

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Quý

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU
MINH LONG PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Quý

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Quý

Mã SV: 1112401422

Lớp: QT1501K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH
may xuất khẩu Minh Long Phát.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty thiếu, nắm chắc các phân hành kinh tế thuộc đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2014 trên các sổ sách kế toán.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

- Địa chỉ: Đông La- Đông Hưng- Thái Bình.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:..... Văn Hồng Ngọc.....

Học hàm, học vị:.....Thạc Sĩ.....

Cơ quan công tác:....Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:..Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.

- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động

- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.

- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Tân Thuận.

- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:

- Điểm chữ: .

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT | 2 |
| 1.1.Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất | 2 |
| 1.1.1.Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp sản xuất | 2 |
| 1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu | 2 |
| 1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu | 3 |
| 1.1.4. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu | 3 |
| 1.1.5. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất | 4 |
| 1.1.6. Phân loại nguyên vật liệu | 4 |
| 1.1.7. Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế | 5 |
| 1.1.7.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho | 6 |
| 1.1.7.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho | 7 |
| 1.1.8. Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán..... | 8 |
| 1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 10 |
| 1.2.1. Chứng từ sử dụng : | 10 |
| 1.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu | 10 |
| 1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song | 11 |
| 1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... | 12 |
| 1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư | 13 |
| 1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu | 15 |
| 1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. ... | 15 |
| 1.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm, ưu điểm, nhược điểm và phạm vi sử dụng của phương pháp kê khai thường xuyên..... | 15 |
| 1.3.1.2. Tài khoản sử dụng | 16 |
| 1.3.1.3. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ | 17 |
| 1.3.1.4. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp. | 19 |
| 1.3.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 19 |

| | |
|---|----|
| 1.3.2.1. Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ. | 19 |
| 1.3.2.2. Tài khoản sử dụng | 20 |
| 1.3.2.3. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ. | 20 |
| 1.3.2.4. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp. | 22 |
| 1.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu | 22 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT. 29 | |
| 2.1. Khái quát chung về công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 29 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 29 |
| 2.1.2. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. | 29 |
| 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty | 30 |
| 2.1.4. Đặc điểm của tổ chức bộ máy sản xuất. | 31 |
| 2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 33 |
| 2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty | 33 |
| 2.2.2. Các chính sách, chế độ kế toán được vận dụng tại công ty | 35 |
| 2.2.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty | 35 |
| 2.3. Thực trạng công tác kế toán NVL tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 36 |
| 2.3.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 36 |
| 2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 37 |
| 2.3.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho | 37 |
| 2.3.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho. | 37 |
| 2.3.3. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 38 |
| 2.3.3.1. Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho. | 38 |

| | |
|--|-----------|
| 2.3.3.2. Ví dụ minh họa..... | 39 |
| 2.3.4. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 53 |
| 2.3.4.1. Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ..... | 53 |
| 2.3.4.2. Ví dụ minh họa..... | 53 |
| 2.3.5. Tổ chức hạch toán chi tiết NVL tại Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 59 |
| 2.3.5.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho | 60 |
| 2.3.5.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại phòng kế toán..... | 63 |
| 2.3.6. Tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát. | 69 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT..... | 72 |
| 3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát..... | 72 |
| 3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty..... | 72 |
| 3.1.2. Ưu điểm..... | 72 |
| 3.1.3. Nhược điểm..... | 73 |
| 3.1.4. Phương hướng chung để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát..... | 74 |
| 3.2. Một số ý kiến và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát..... | 75 |
| KẾT LUẬN | 79 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 80 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mục tiêu bao trùm và lâu dài của mọi doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh là tối đa hoá lợi nhuận nên mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi nhuận càng được quan tâm. Kinh doanh trong cơ chế thị trường mở cửa và ngày càng hội nhập các doanh nghiệp phải chấp nhận và đứng vững trong sự cạnh tranh gay gắt. Đứng trước tình hình trên các doanh nghiệp ra sức tìm kiếm chiến lược kinh doanh để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh thu hút người tiêu dùng trên thị trường. Để làm được điều đó thì một yếu tố không thể thiếu là quản lý kinh tế mà công tác kế toán lại đóng vai trò quan trọng đặc biệt là công tác kế toán lại đóng vai trò quan trọng đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu là một trong những yếu tố hàng đầu. Bởi vì NVL là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh tham gia thường xuyên liên tục vào quá trình sản xuất sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Nếu hạch toán kế toán với chức năng là công cụ đắc lực của quản lý, cung cấp những thông tin chính xác cho quản lý thì hạch toán nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản. Một công việc hết sức cần thiết, có vị trí xứng đáng cho toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

Với lý do trên cùng thời gian học hỏi nghiên cứu tại trường và thực tiễn được thực tập tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát, em đã chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát**”

Ngoài lời mở đầu và kết luận nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Chương 3 : Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Do thời gian thực tập có thời hạn và trình độ kiến thức chưa thực sự sâu rộng nên khoá luận tốt nghiệp khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để khoá luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp sản xuất

- **Khái niệm:**

Trong doanh nghiệp sản xuất vật liệu là đối tượng lao động một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm. NVL là đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, vải trong doanh nghiệp may... NVL hình thành từ các nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn... được sử dụng cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc sử dụng dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng cho quản lý doanh nghiệp.

- **Vị trí của nguyên vật liệu trong sản xuất :**

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí chế tạo ra sản phẩm, do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Xuất phát từ tầm quan trọng trên, việc giảm chi phí nguyên vật liệu, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất trong mỗi đơn vị sản phẩm là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình sản xuất kinh doanh. Điều đó sẽ làm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

➤ Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhất định. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi chế tạo xong, kiểm tra và nhập kho. Chu kỳ sản xuất có thể tính cho từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hay sản phẩm hoàn chỉnh.

➤ Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối với doanh nghiệp sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu là đối tượng không thể thiếu, nó giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất sản phẩm và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành.

Do vậy tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung.

1.1.4. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

NVL là tài sản dự trữ phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp. Để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường các doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên mua NVL và xuất dùng cho sản xuất. Mỗi loại sản phẩm được sản xuất từ nhiều loại vật liệu khác nhau, được nhập từ nhiều nguồn và giá cả của vật liệu thường xuyên biến động trên thị trường. Bởi vậy để tăng cường công tác quản lý, NVL phải được theo dõi chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến khâu sử dụng.

- Ở khâu thu mua: Quá trình thu mua phải đáp ứng đủ số lượng, đúng chủng loại phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, giảm thiểu hao hụt và tìm nguồn thu mua phù hợp. Đồng thời phải quan tâm đến chi phí thu mua nhằm hạ thấp chi phí vật liệu một cách tối đa.

- Ở khâu bảo quản: Doanh nghiệp cần phải xác định mức dự trữ tối đa, dự trữ tối thiểu để cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị ngừng trệ, gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc ứ đọng vốn dự trữ quá nhiều.

- Ở khâu sử dụng: Doanh nghiệp cần phải sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích, thông dụng, tiết kiệm, hạ thấp mức tiêu hao, không ngừng tìm kiếm vật liệu mới thay thế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất vì những tiến bộ kỹ thuật cho phép ta luôn có những vật liệu mới thay thế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất vì những tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phép ta luôn có những vật liệu mới thay thế, có tính năng ưu việt hơn so với những vật liệu cũ những vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Điều

này có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp. Vì vậy tình hình xuất dùng và sử dụng NVL trong sản xuất kinh doanh cần phải được phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời.

Như vậy, quản lý nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết của công tác quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm.

1.1.5. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Để phát huy vai trò, chức năng của kế toán trong công tác quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.
- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật tư, phát hiện kịp thời các loại ứ đọng kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng hạn chế các thiệt hại.
- Thực hiện việc kiểm kê vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập báo cáo về vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua dự trữ sử dụng vật liệu .

1.1.6. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất vật lý khác nhau đối với quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Do vậy để thống nhất trong công tác quản lý nguyên vật liệu, kế toán tiến hành phân loại chúng theo những tiêu thức sau :

❖ Căn cứ vào công dụng của NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau.
- Nguyên vật liệu phụ: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ dụng cụ hoạt động bình thường.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Nhiên liệu:** là những vật liệu dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng dầu, hơi đốt, than...

- **Phụ tùng thay thế:** là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** gồm những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

❖ Căn cứ vào mục đích sử dụng :

- Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất :

- + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm

- + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng , dùng cho bộ phận giao bán hàng , bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác :

- + Nhượng bán

- + Đem góp vốn liên doanh

- + Đem biếu tặng

❖ Căn cứ vào nguồn hình thành :

- + Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng .

- + Nguyên vật liệu tự chế: do doanh nghiệp tự sản xuất .

❖ Căn cứ vào quyền sở hữu

- Nguyên vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp: gồm các loại NVL do doanh nghiệp tự sản xuất, mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Nguyên vật liệu không thuộc sở hữu của doanh nghiệp: gồm các nguyên vật liệu nhận gia công chế biến hay nhận giữ hộ.

1.1.7. Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế

Để phục vụ công tác quản lý, hạch toán NVL phải thực hiện việc đánh giá vật liệu. Đánh giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu theo nguyên tắc nhất định. Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán và nguyên tắc thận trọng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán nhập, xuất, tồn kho NVL phải phản ánh theo giá trị thực tế. Tuy nhiên không ít các doanh nghiệp để giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể dùng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất NVL. Song dù đánh giá theo giá hạch toán kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập, xuất NVL trên các sổ kế toán tổng hợp, báo cáo kế toán theo giá thực tế.

1.1.7.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên tắc xác định giá trị của nguyên vật liệu nhập kho, nguyên vật liệu được tính theo giá gốc. Giá gốc là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó.

a. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn mua ngoài

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên hoá} \\ \text{đơn (bao} \\ \text{gồm cả} \\ \text{thuế NK} \\ \text{nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{giá thực} \\ \text{tế phát} \\ \text{sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng hoá} \\ \text{mua} \\ \text{được} \end{array}$$

b. Với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến nhập kho

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế vật liệu} \\ \text{gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản chi phí gia công,} \\ \text{chế biến phát sinh} \end{array}$$

c. Với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu} \\ \text{xuất gia công, chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tiền gia công} \end{array}$$

d. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn nhận góp vốn: giá trị được các bên tham gia góp vốn đánh giá và chấp nhận.

e. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng : giá trị thực tế tính theo giá thị trường tương đương.

f. Với phế liệu thu hồi nhập kho: là giá ước tính thực tế có thể sử dụng được hay bán được .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.1.7.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho

Giá thực tế NVL xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau :

a. Phương pháp bình quân gia quyền :

➤ *Phương pháp tính đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ (bình quân gia quyền):*

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng vật liệu xuất dùng}}{\text{Đơn giá xuất kho bình quân}} \times$$

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn ĐK} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{số lượng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này đơn giản dễ làm tuy nhiên công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và kịp thời của thông tin kế toán.

➤ *phương pháp tính đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập*

$$\text{Đơn giá xuất kho sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp tính đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập thì khắc phục được những nhược điểm của phương pháp trước tuy nhiên vẫn đòi hỏi nhiều thời gian và công đoạn cũng như công sức tính toán.

b. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì số hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau và theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất kho do vậy giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào sau cùng.

Ưu điểm: thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm. Phương pháp này giúp tính được ngay giá trị hàng xuất kho từng lần xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hàng đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó.

Nhược điểm: phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại vì doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị của vật tư, hàng hoá đã được mua từ cách đó rất lâu.

c. Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này thì số hàng nào nhập sau thì sẽ xuất trước và giá trị hàng tồn kho tính theo giá thực tế của những lô hàng mới nhập hiện có trong kho. Trị giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: việc thực hiện phương pháp này đảm bảo được yêu cầu nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật liệu nhập kho từng lần tăng lên, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

Nhược điểm: chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật liệu. Trong trường hợp giá cả của vật liệu biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

d. Phương pháp thực tế đích danh

Giá thực tế đích danh được sử dụng trong những doanh nghiệp sử dụng NVL có giá trị lớn, ít chủng loại, sử dụng ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được, có điều kiện quản lý, bảo quản riêng cho từng lô hàng.

Ưu điểm: xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu khi xuất kho và kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL. Đây được coi là phương pháp lý tưởng nhất nó tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán. Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế.

Nhược điểm: áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

1.1.8. Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Giá hạch toán là giá tạm tính được sử dụng ổn định thống nhất trong thời gian dài, giá hạch toán được tạm dùng để ghi chép tính giá vật liệu xuất kho. Đối với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL nhập xuất thường xuyên nên áp dụng giá hạch toán để phản ánh thường xuyên hàng ngày tình hình nhập, xuất.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá hạch toán không có ý nghĩa trong thanh toán và trong hạch toán tổng hợp vật liệu. Giá hạch toán được xác định bằng cách lấy giá vật liệu bình quân kỳ trước hoặc giá kế hoạch của vật liệu, trình tự tính giá hạch toán như sau:

Bước 1: hàng ngày khi nhập xuất kho vật liệu, kế toán ghi theo giá hạch toán cho từng vật liệu

$$\begin{array}{l} \text{Giá hạch} \\ \text{toán vật liệu} \\ \text{nhập(xuất)} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{nhập (xuất) kho} \end{array} \times \text{Đơn giá hạch toán}$$

Bước 2: cuối kỳ xác định hệ số điều chỉnh giá cho từng thứ (nhóm) VL

Giá thực tế VL tồn ĐK + Giá thực tế VL nhập trong kỳ

$$\text{Hệ số giá} = \frac{\text{Giá thực tế VL tồn ĐK + Giá thực tế VL nhập trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán VL tồn ĐK + Giá hạch toán VL nhập trong kỳ}}$$

Giá hạch toán VL tồn ĐK + Giá hạch toán VL nhập trong kỳ

Bước 3: tính giá thực tế từng loại vật liệu xuất kho theo hệ số giá tính được ở bước 2 và điều chỉnh theo số chênh lệch

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL} \\ \text{xuất kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{xuất kho trong kỳ} \end{array} \times \text{Hệ số giá}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{cần điều} \\ \text{chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

$$= \text{Giá hạch toán xuất kho} \times (\text{hệ số giá} - 1)$$

Ưu điểm: phương pháp này kết hợp chặt chẽ với hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp trong công tác tính giá, nên công việc định giá được tiến hành nhanh chóng và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm hàng, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít.

Nhược điểm: mặc dù vậy trong điều kiện hiện nay, giá thực tế hàng nhập xuất kho luôn biến động phụ thuộc vào các yếu tố thị trường, các chính sách điều tiết vĩ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

mô do đó việc sử dụng giá hạch toán cố định trong suốt kỳ kế toán không còn phù hợp nữa.

1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Mỗi doanh nghiệp sử dụng các loại nguyên vật liệu khác nhau trong từng quy trình sản xuất do đó sự thiếu hụt một loại nguyên vật liệu nào đó cũng làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ ho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu về số lượng và giá trị.

1.2.1. Chứng từ sử dụng :

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC , các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT

Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá: Mẫu 03-VT

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ: Mẫu 04-VT

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá: Mẫu 05-VT

Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT

Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ: Mẫu 07-VT

Hoá đơn GTGT: Mẫu 01-GTGT (nếu nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)

Hoá đơn bán hàng: Mẫu 02-GTGT (nếu nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)

Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tùy thuộc vào điều kiện của từng doanh nghiệp mà có thể lựa chọn vận dụng các phương pháp hạch toán chi tiết NVL. Hiện nay có 3 phương pháp hạch toán chi tiết NVL:

Phương pháp thẻ song song

Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp sổ sổ dư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm, nhược điểm và phạm vi áp dụng riêng nhưng đều nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn NVL về số lượng về giá trị ở kho và phòng kế toán.

1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song

❖ Điều kiện áp dụng :

Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư hàng hoá

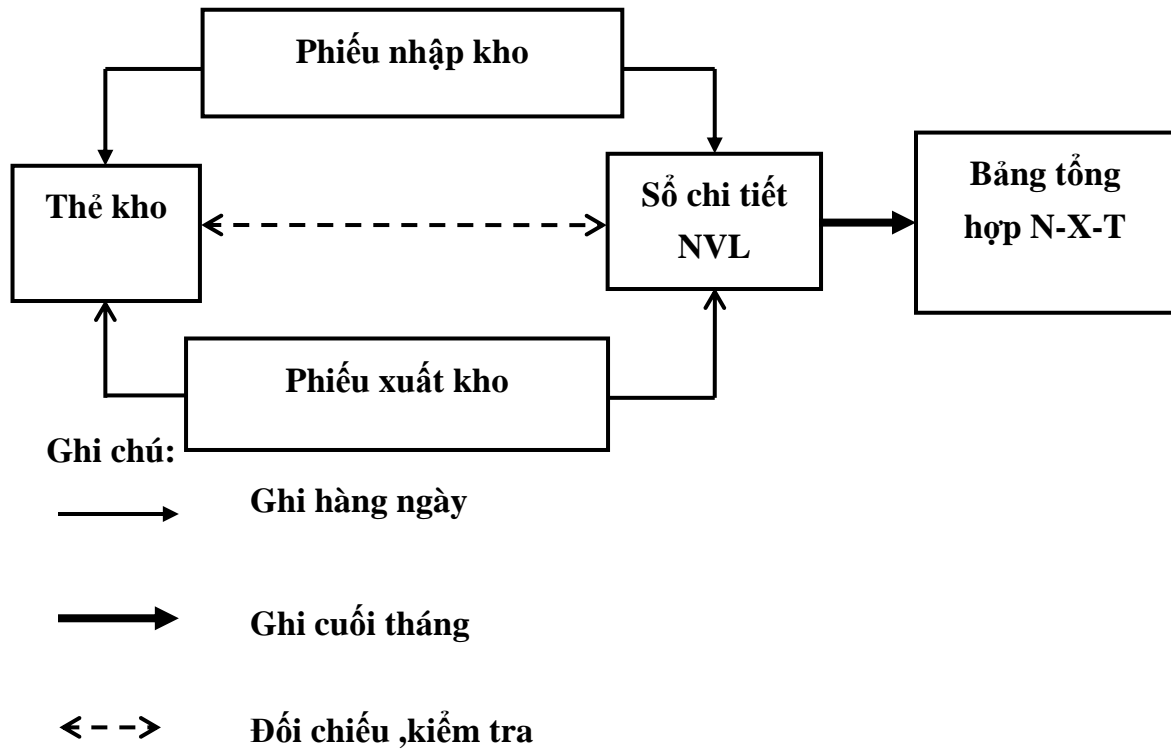
Các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên.

❖ Trình tự ghi sổ

Tại kho: hàng ngày khi nhận chứng từ nhập xuất NVL, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi sổ thực nhập, thực xuất, tính ra số tồn kho để ghi vào thẻ kho. Thẻ kho phải được sắp xếp theo từng loại, từng nhóm và từng thứ tự để tiện cho việc quản lý. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho với số liệu thực tế còn lại ở kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng NVL cho phòng kế toán.

Tại phòng kế toán: kế toán NVL sử dụng sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Khi nhận được các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu do thủ kho gửi đến kế toán phải kiểm tra chứng từ đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ khác có liên quan như hoá đơn mua hàng, phiếu mua hàng..ghi giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó ghi lần lượt các nghiệp vụ nhập xuất kho vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng chi tiết vật liệu và kiểm tra, đối chiếu thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ kế toán chi tiết vào bảng tổng hợp.

Sơ đồ 1.1: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin.

Nhược điểm: việc ghi chéo trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán về chỉ tiêu, số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do đó hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

❖ Điều kiện áp dụng :

Thích hợp cho doanh nghiệp không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày và phương pháp này thường ít áp dụng thực tế.

❖ Trình tự ghi sổ

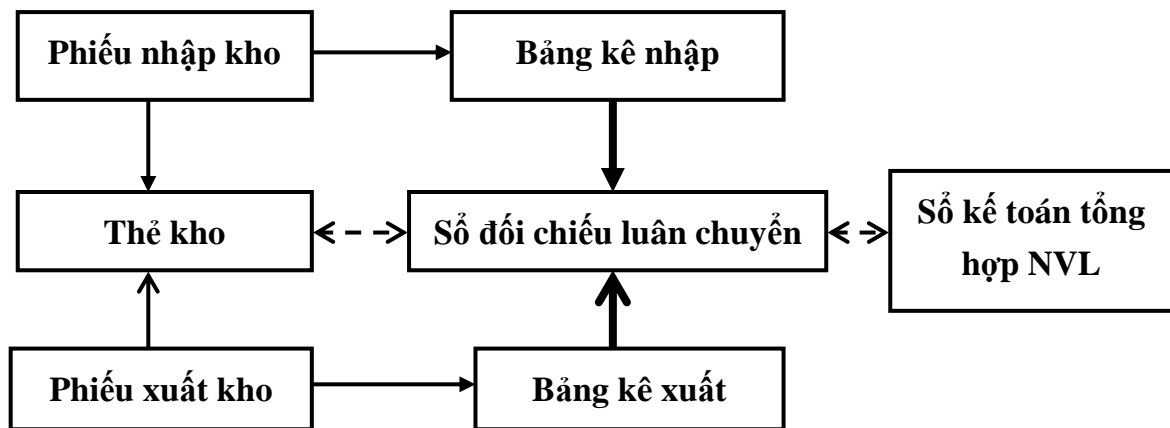
Tại kho: thủ kho mở thẻ kho cho từng loại vật tư và ghi chép theo chỉ tiêu số lượng tương ứng như phương pháp ghi thẻ song song.

Tại phòng kế toán: kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn về số lượng và giá trị của từng loại danh điểm vật tư trong kho. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

loại NVL được ghi một dòng trong sổ và ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ do thủ kho chuyển tới. Cuối tháng tiến hành kiểm tra, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng vật liệu trên thẻ kho đối chiếu với kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- <--> Đối chiếu kiểm tra

Ưu điểm: phương pháp đơn giản dễ làm, giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán so với phương pháp thẻ song song.

Nhược điểm: phương pháp này còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư

❖ Điều kiện áp dụng: phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL và đồng thời số lượng chứng từ nhập xuất của mỗi loại khá nhiều.

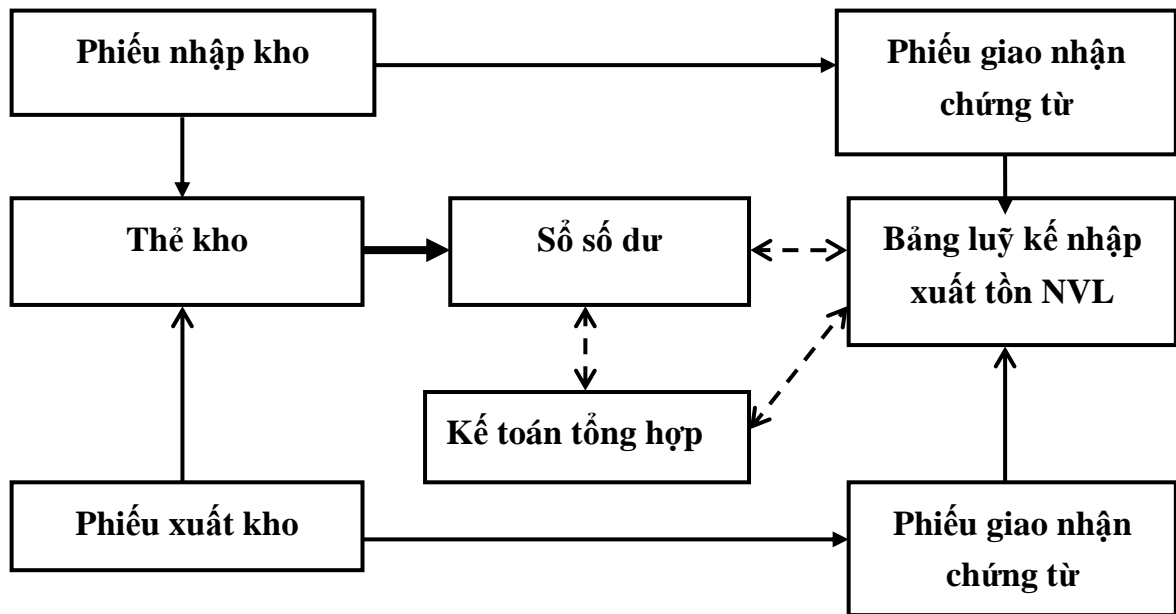
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Trình tự ghi sổ :




Tại kho: thủ kho mở thẻ kho để theo dõi tình hình biến động của từng danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày theo quy định của doanh nghiệp, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho vật liệu phát sinh theo từng vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu. Cuối tháng căn cứ vào số lượng tồn trên từng thẻ kho ghi vào sổ số dư cột số lượng mỗi một danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ số dư. Sau đó gửi sổ số dư về phòng kế toán.

Tại phòng kế toán: định kỳ kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho vào thẻ kho, ký xác nhận vào thẻ kho, sau đó mang chứng từ nhập xuất về phòng phân loại chứng từ để vào sổ giao nhận chứng từ nhập, sổ giao nhận chứng từ xuất. Cuối tháng căn cứ vào sổ giao nhận chứng từ nhập xuất để vào bảng tổng hợp lũy kế nhập xuất tồn kho, cột giá trị trên bảng lũy kế nhập xuất tồn kho trên sổ dư cho từng nhóm từng kho vật liệu tương ứng.

Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng
-  Đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ưu điểm: tránh được ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng. Thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên của kế toán với nhập xuất NVL hàng ngày.

Nhược điểm: việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán phức tạp hơn, mặt khác kế toán muốn biết được lượng tồn của từng danh điểm vật tư ở từng thời điểm khác nhau bắt buộc phải xuống kho xem thẻ kho mới xác định được. Việc kiểm tra sai sót nhằm lẫn giữ phòng kế toán và kho gặp khó khăn hơn.

1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên tùy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp có các phương pháp thức kiểm kê khác nhau. Theo chế độ kế toán hiện hành có 2 phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm, ưu điểm, nhược điểm và phạm vi sử dụng của phương pháp kê khai thường xuyên

Khái niệm: phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập xuất tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá...trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Do đó giá trị vật tư hàng hoá trên sổ kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

Đặc điểm :

- Mọi tình hình biến động tăng giảm (nhập, xuất) và số hiện có của vật tư, hàng hoá đều được phản ánh trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho (TK 151,152,153,156,157)
- Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hoá tồn kho với số lượng vật tư hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán.
- Tính giá vốn xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá áp dụng.

Giá thực tế xuất = số lượng xuất × đơn giá tính cho hàng xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ưu điểm: theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

Nhược điểm: tăng khối lượng ghi chép hàng ngày, tốn nhiều công sức kế toán, gây áp lực cho người làm công tác kế toán tuy nhiên nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hoá công tác kế toán.

Phạm vi áp dụng: thích hợp cho doanh nghiệp sản xuất và thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị, quy mô lớn và NVL xuất theo dõi được từng lần.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 152 “ nguyên liệu vật liệu”:** được sử dụng chủ yếu để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại NVL theo giá thực tế

| Nợ | TK152 | Có |
|--|-------|--|
| Số dư đầu kỳ: trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ | | |
| <ul style="list-style-type: none">- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế ,thuê ngoài gia công, chế biến, nhận vốn góp liên doanh- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê | | <ul style="list-style-type: none">- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất , kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, đưa đi góp vốn- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê |
| Số dư cuối kỳ: trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ | | |

❖ **Tài khoản 151 “hàng mua đang đi đường”:** tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hoá vật tư mua vào được xác định là hàng mua nhưng chưa nhập kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

| Nợ | TK151 | Có |
|---|-------|---|
| Số dư đầu kỳ: | | |
| Trị giá hàng hoá vật tư đã mua đang đi đường | | Trị giá hàng hoá vật tư đang đi đường đã về nhập kho, xuất thẳng cho sản xuất hoặc chuyển giao thẳng cho khách hàng |
| Số dư cuối kỳ: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường chưa về nhập kho đơn vị | | |

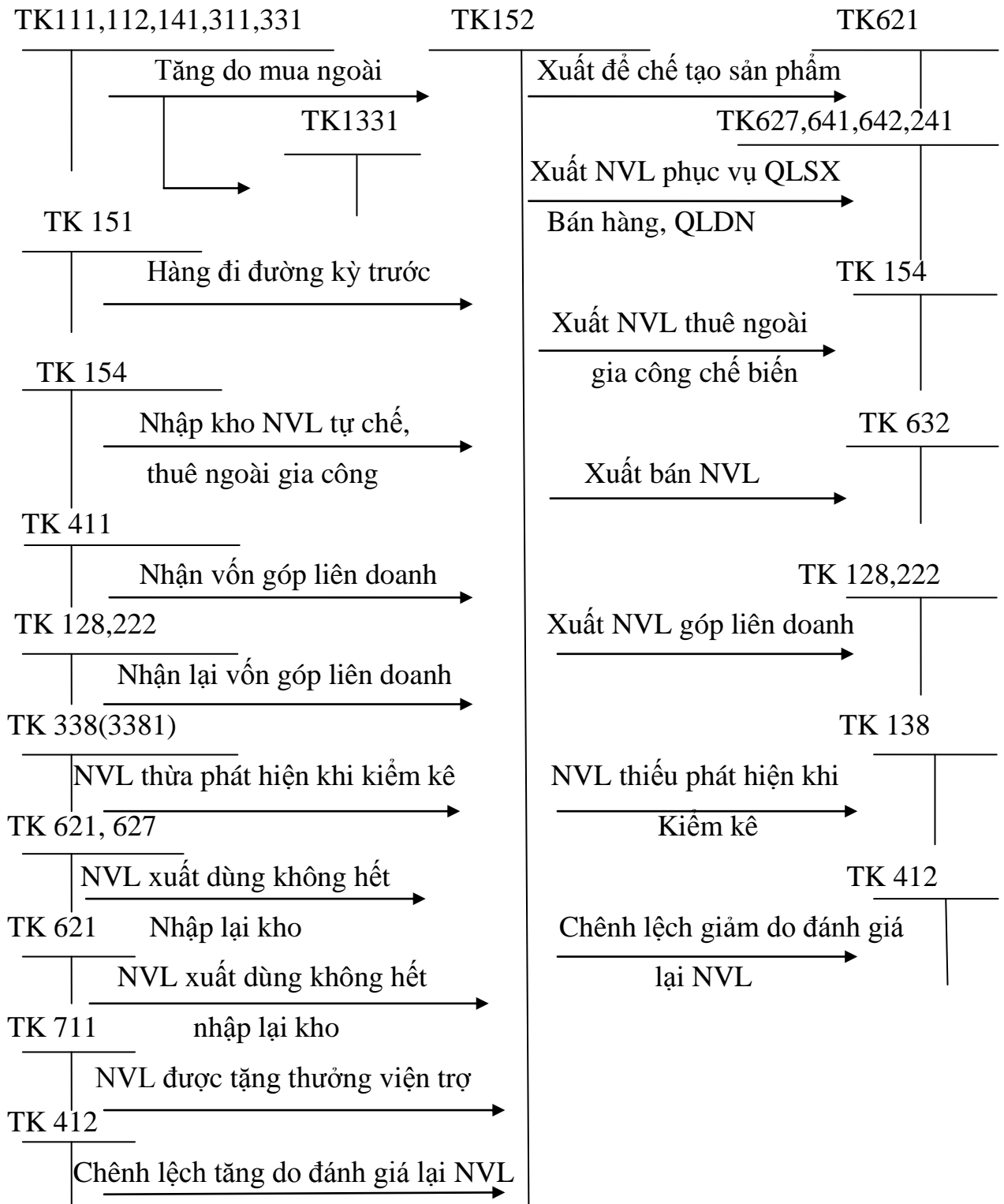
Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng một số tài khoản như sau : TK111, TK112, TK154, TK133, TK141, TK331, TK411....

1.3.1.3. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ

Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu thể hiện qua sơ đồ sau

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX



1.3.1.4. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp.

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan đến nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ có điểm khác là:

- Trong giá hàng mua đã có cả thuế GTGT đầu vào, vì vậy kế toán không còn sử dụng TK 133.

- Trong giá hàng bán đã có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng TK 3331 (chỉ đến cuối kỳ sau khi xác định được số tiền thuế GTGT phải nộp kế toán mới sử dụng tài khoản 3331 để phản ánh bút toán định khoản).

1.3.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2.1. Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ.

Khái niệm: phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hoá đã xuất kho trong kho. Nguyên vật liệu mua vào được ghi chép, phản ánh hàng ngày theo từng lần phát sinh, còn nguyên vật liệu xuất ra thì hàng ngày không ghi mà đến cuối kỳ khi kiểm kê xác định trị giá nguyên vật liệu còn lại kế toán mới tính và ghi một lần giá trị nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.

Đặc điểm: theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hoá nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phản ánh tình hình mua, nhập kho vật tư hàng hoá trên **TK 611- Mua hàng**. Cuối kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ.

Trị giá thực tế tồn kho cuối kỳ = SL tồn × đơn giá tính cho hàng tồn kho

$$\text{Trị giá thực tế xuất} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu}}{\text{kỳ}} + \text{Trị giá thực tế mua, nhập vào trong kỳ} - \text{Trị giá thực tế tồn cuối kỳ}$$

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số kế toán luôn khớp với thực tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhược điểm: công việc kế toán dồn vào cuối kỳ, kiểm tra không được thường xuyên và liên tục trong tình hình nhập xuất kho sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.

Phạm vi sử dụng: phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất kinh doanh những mặt hàng có giá trị thấp. Sử dụng các nguyên vật liệu ít tiền, chủng loại phức tạp.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 611 – Mua hàng

| Nợ | TK 611 | Có |
|--|--|----|
| - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê) - Giá gốc hàng hoá, nguyên vật liệu mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại | - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu tồn kho cuối kỳ - Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ) - Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hoá mua trả lại cho người bán hoặc được giảm giá | |

TK 611 không có số dư cuối kỳ và thường được mở chi tiết cho từng loại vật tư hàng hoá

TK 611 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6111 – Mua nguyên vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hoá

❖ **TK 152 – NVL** : dùng để phản ánh, đánh giá thực tế NVL tồn kho, chi tiết từng loại

❖ **TK 151 – Hàng mua đang đi đường**

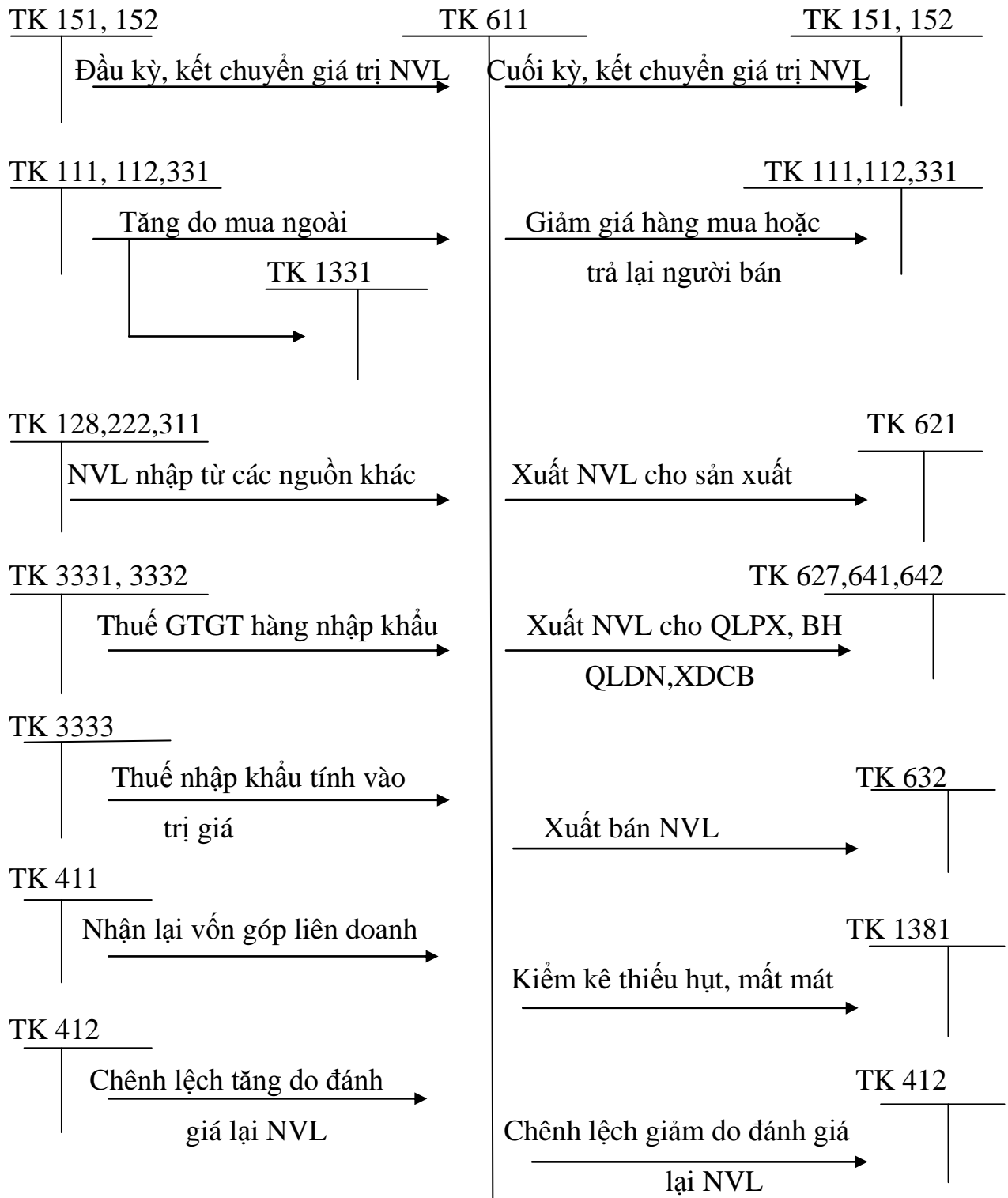
❖ Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: Tk 111, Tk 112, Tk 331...

1.3.2.3. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKDK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.

Trình tự hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK



1.3.2.4. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp.

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan đến nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nhưng trong kỳ kế toán không sử dụng TK 133 và 3331.

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

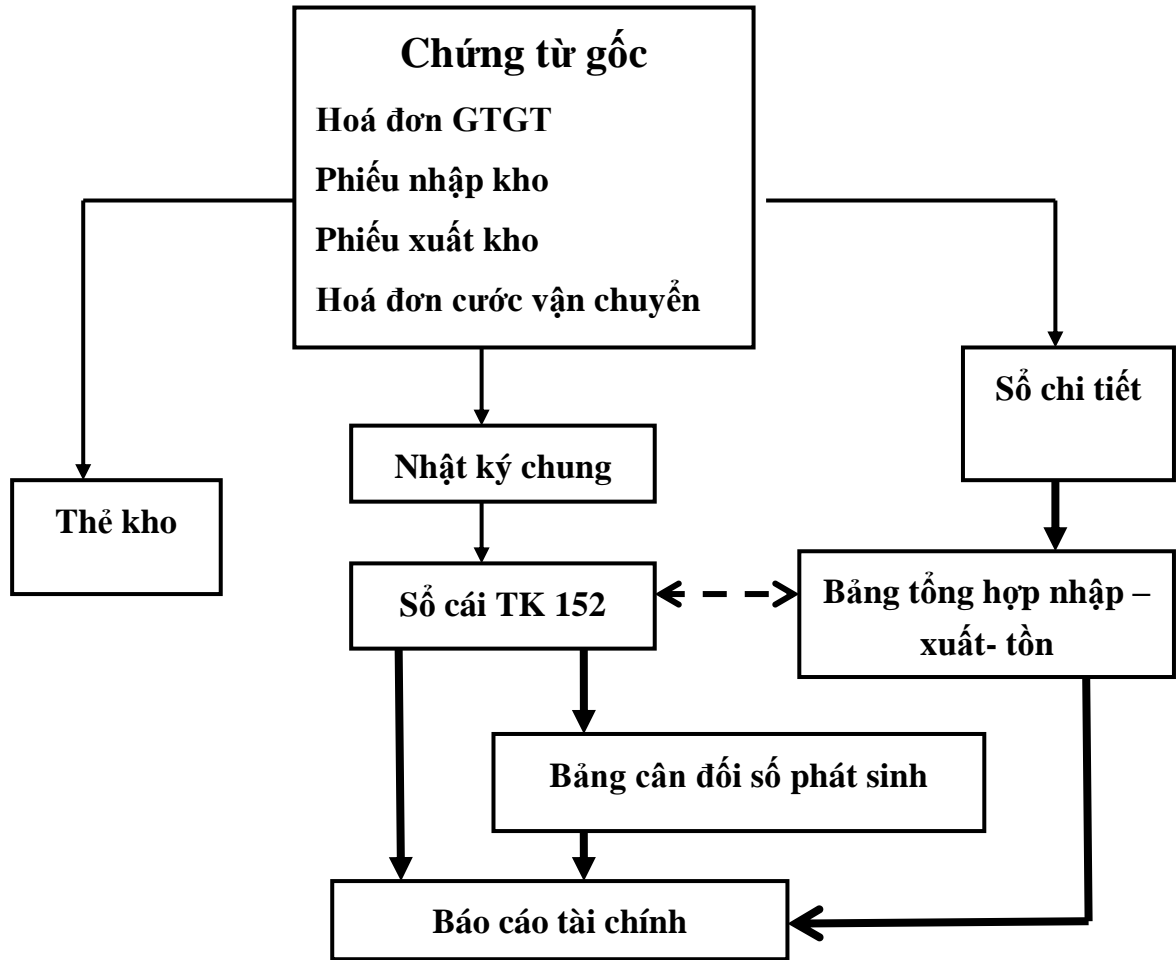
Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Theo QĐ số 15/2006/ QĐ BTC của bộ trưởng bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006 các doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

❖ Hình thức nhập ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu như sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.4 : Trình tự hạch toán theo hình thức “ nhật ký chung”



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Đối chiếu, kiểm tra



Ghi cuối tháng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Hình thức nhật ký – sổ cái

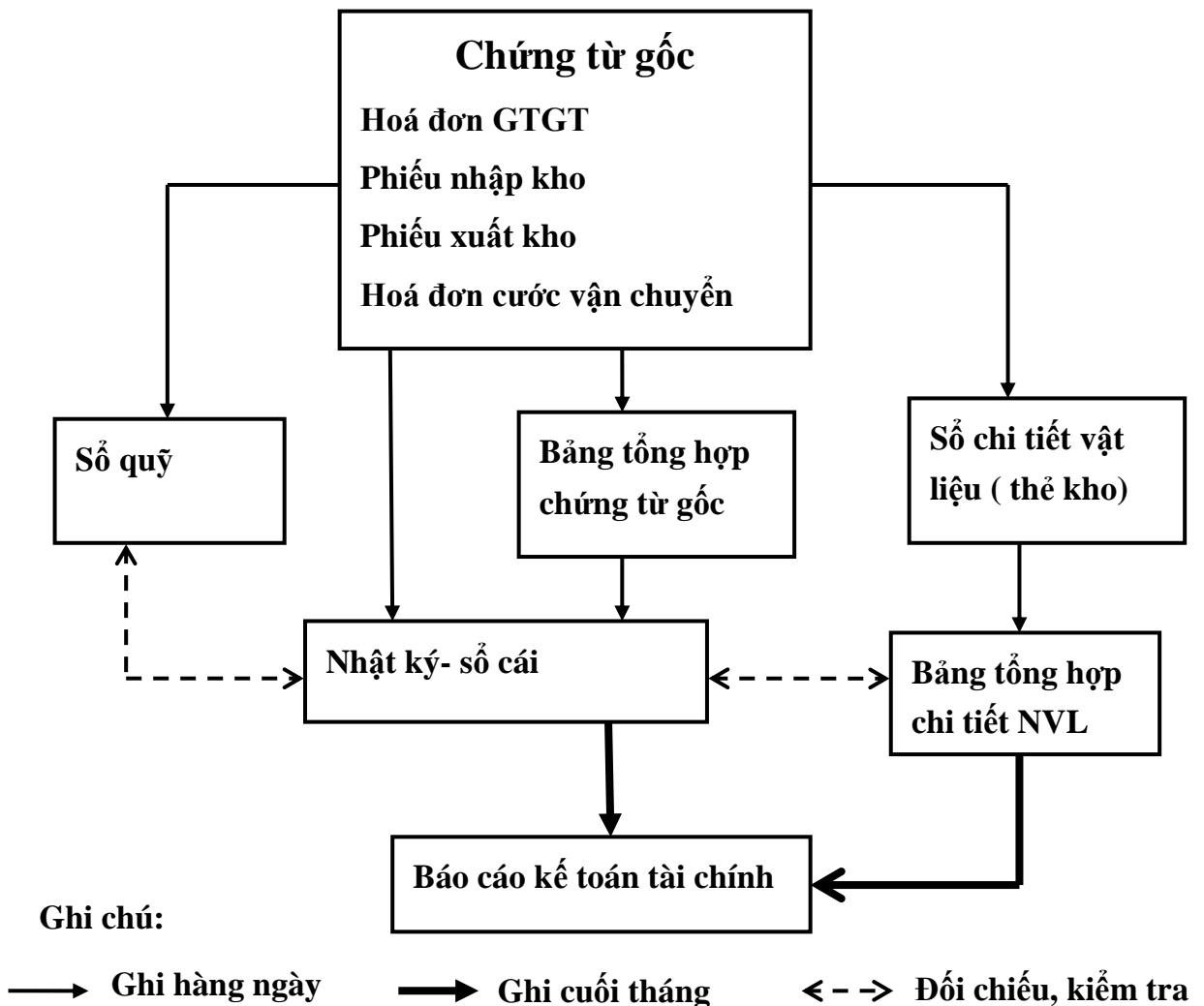
Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký – sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái gồm có các loại kế toán là nhật ký- sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Tổng số tiền PS = Tổng PS bên Nợ các TK = Tổng PS bên Có các TK

Tổng số dư Nợ cuối kỳ các TK = Tổng số dư Có cuối kỳ các TK

Lập bảng tổng hợp số liệu phát sinh trên sổ thẻ kế toán chi tiết cho từng TK. Đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp với số liệu trên sổ cái theo từng TK. Sau khi đối chiếu số liệu thấy đúng khớp thì căn cứ vào các số liệu trên sổ cái và sổ chi tiết để lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán theo hình thức “ nhật ký - sổ cái”



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hình thức nhật ký sổ cái có ưu điểm là đơn giản dễ làm thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ ít nghiệp vụ kinh tế sử dụng ít TK tuy nhiên vẫn có những hạn chế như việc ghi chép trùng lặp làm tăng khối lượng công việc kế toán, không thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

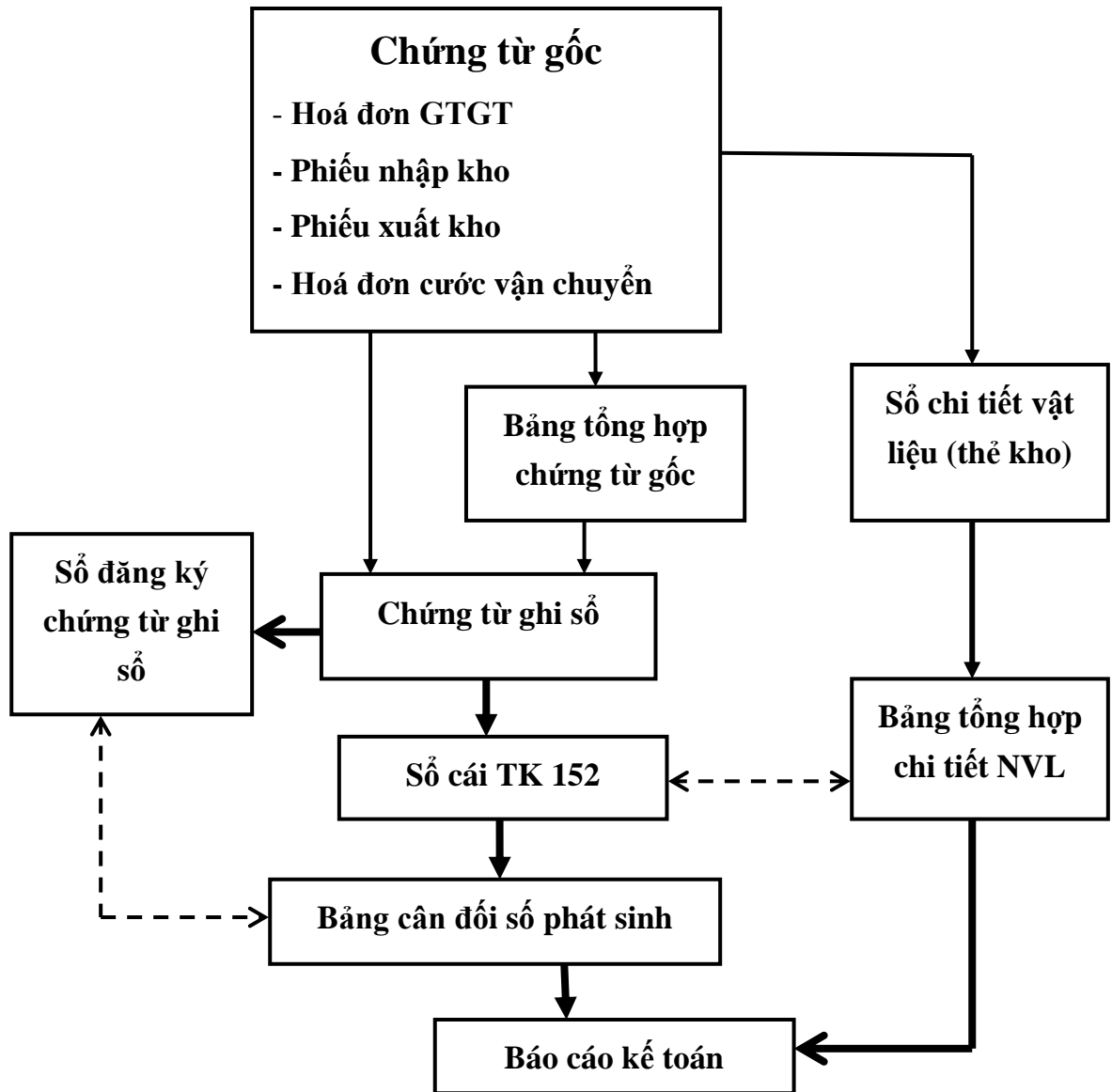
❖ Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ “. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán như: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.6 : Trình tự hạch toán theo hình thức “ chứng từ ghi sổ “



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

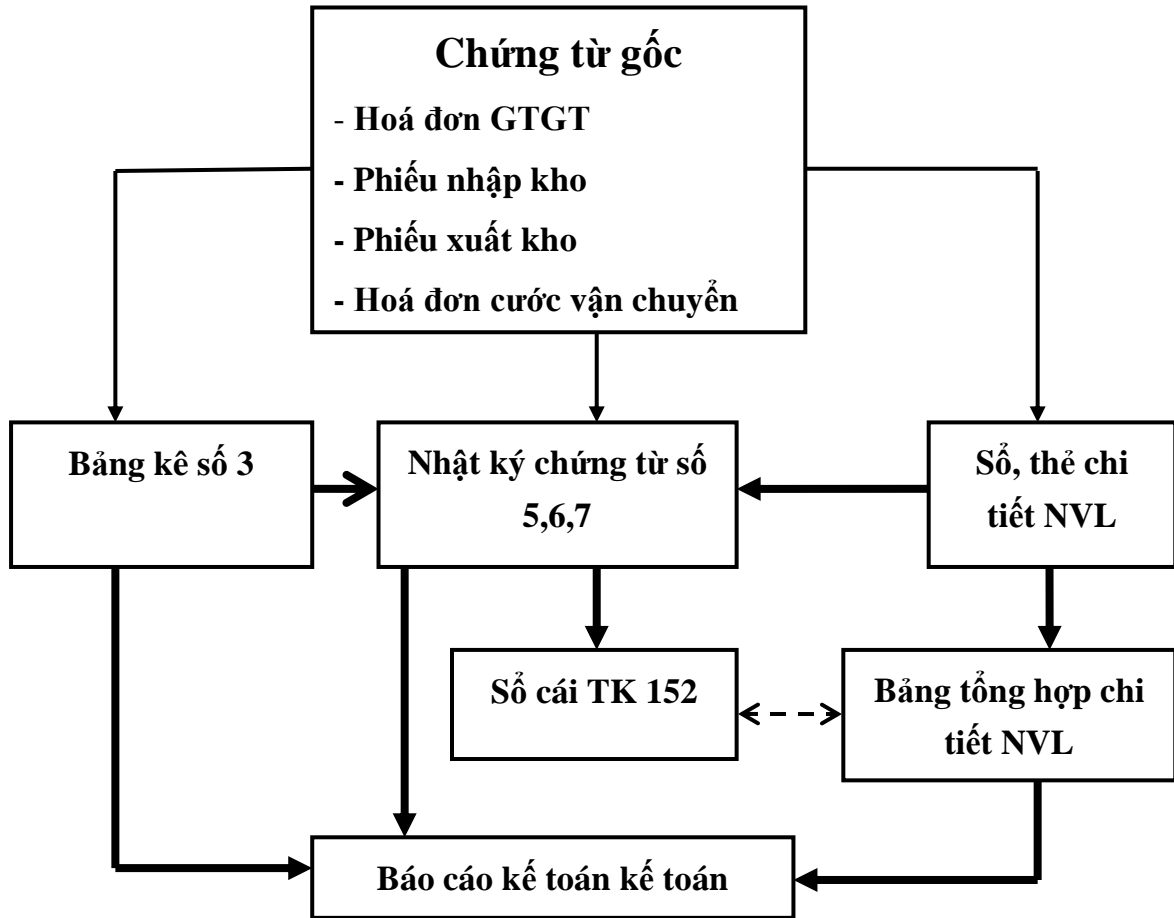
→ Ghi cuối tháng

< - - - - > Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức này có ưu điểm là thích hợp với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho áp dụng máy vi tính tuy nhiên việc ghi chép trùng lặp nhiều nên báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện kế toán thủ công.

❖ Hình thức nhật ký chứng từ

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký chứng từ”



Ghi chú:

- Ghi hàng tháng
- Ghi cuối tháng
- < - - > Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan. Chứng từ gốc sau khi ghi vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê được chuyển sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng công các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái khi kiểm tra khớp đúng số liệu thì số liệu ở sổ cái và một số chỉ tiêu trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

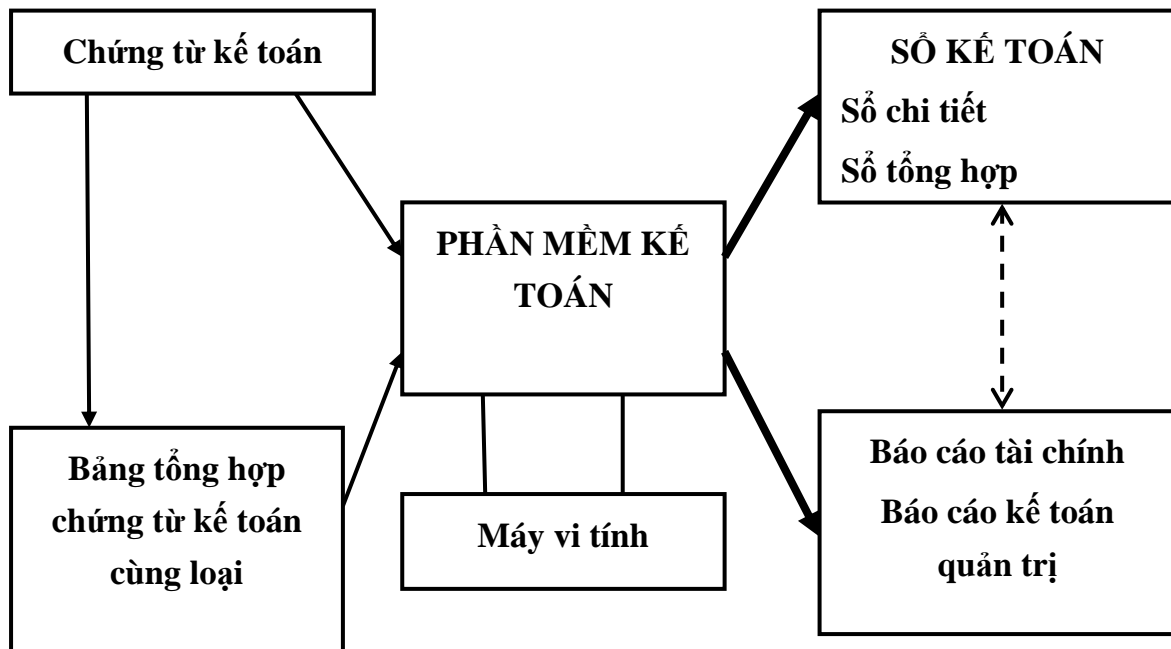
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ gồm các loại sổ kế toán: nhật ký chứng từ bảng kê, sổ cái, sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.8. Trình tự hạch toán theo hình thức “kế toán trên máy tính”



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày < - - - - - > Đối chiếu, kiểm tra

—————> Ghi cuối tháng

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát là công ty tư nhân được thành lập ngày 15 tháng 10 năm 2012

❖ Tên công ty : CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT

+ Tên giao dịch : MINH LONG PHAT CO...,LTD

❖ Trụ sở chính : thôn Đồng Vi , xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình.

+ Điện thoại : 0983770809

+ Mã số thuế : 1001013483

+ Website : www.minhlongphat.vn

❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất quần áo : áo sơ mi nam, nữ, quần âu, áo dệt kim...

❖ Vốn điều lệ : 3.000.000.000 (ba tỷ đồng)

❖ Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lan

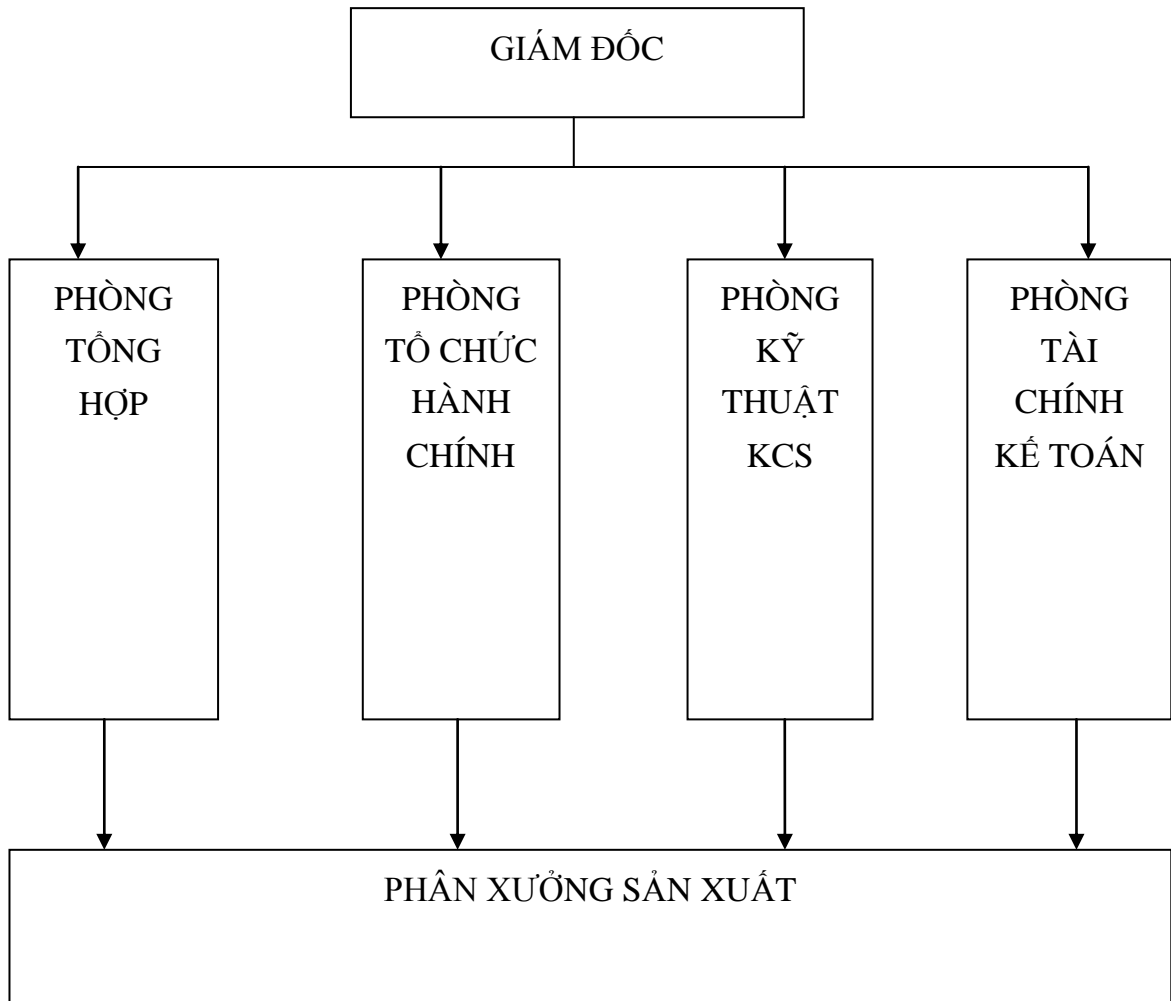
2.1.2. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát triển của doanh nghiệp

Thuận lợi: trên địa bàn hiện chỉ có 2 đến 3 công ty may mà nhu cầu về may mặc lại càng nhiều, công ty đã nắm bắt được nhu cầu thị trường, xác định đầu tư đúng hướng những dây chuyền công nghệ mới, hiện đại. Do sản phẩm công ty đáp ứng được về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và yêu cầu của khách hàng khi đặt hàng nên góp phần nâng cao uy tín của công ty trên địa bàn và các vùng lân cận.

Khó khăn: Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công ty phải cạnh tranh gay gắt đối với các đối thủ trong ngành đã có trước tại địa bàn như công ty may Đại Đồng, công ty may Bình Minh.. Hơn nữa do nền kinh tế vẫn còn chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế và nhu cầu của khách hàng càng tăng nên công ty phải thực sự cố gắng và phát huy những tiềm năng riêng để có thể chiếm được vị trí tốt trong ngành.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1 . Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Nhiệm vụ của mỗi bộ phận :

➤ **Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty đại diện cho toàn bộ công nhân viên. Quản lý và điều hành công ty toàn quyền quyết định điều hành hoạt động của công ty theo chính sách pháp luật của nhà nước. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và là người giữ vai trò lãnh đạo toàn công ty chỉ đạo trực tiếp tới từng phòng ban của công ty đồng thời là người chỉ đạo chiến lược phát triển công ty .

➤ **Phòng tổng hợp :** Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tìm nguồn hàng và ký hợp đồng kinh tế về cung cấp nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

➤ **Phòng tổ chức hành chính:** Phòng có nhiệm vụ quản lí nhân sự của toàn công ty, tiếp nhận các công nhân mới được giao xuống phân xưởng, tổ sản xuất

và giải quyết các vấn đề về chế độ hành chính đồng thời lập các kế hoạch đào tạo tiếp nhận nhân sự và nâng cao tay nghề công nhân, làm công tác hành chính và tham mưu cho lãnh đạo về tổ chức lao động trong nhà máy.

➤ **Phòng tài chính kế toán:** Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng với nhiệm vụ kế toán hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê lưu trữ, cung cấp số liệu, thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty ở mọi thời điểm cho giám đốc.

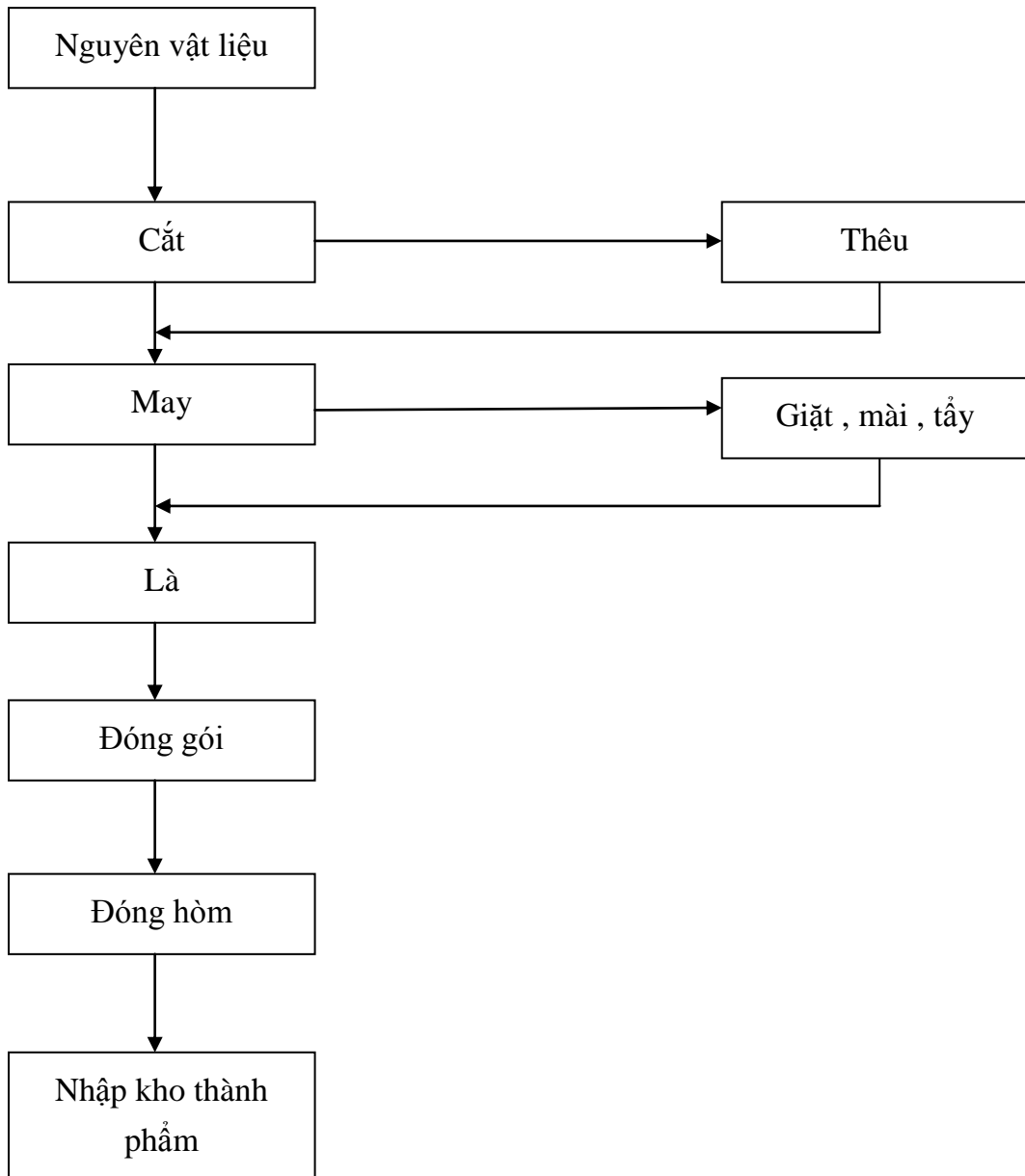
➤ **Phòng kỹ thuật KCS:** Chuyên phụ trách mảng kỹ thuật sản xuất chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc.

➤ **Phân xưởng sản xuất:** Chuyên sản xuất các mặt hàng theo hợp đồng.

2.1.4. Đặc điểm của tổ chức bộ máy sản xuất.

Để thực hiện được quy trình công nghệ trên, công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát đã xây dựng một quy trình tổ chức sản xuất như sau:

Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Như vậy quy trình công nghệ sản xuất của công ty bao gồm các bước sau:

Bước 1: chuẩn bị nguyên vật liệu.

Bước 2: phân khổ vải.

Bước 3: giác mẫu: Đây là khâu quan trọng quyết định đến việc tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm vì nó có thể làm giảm lượng vải thừa xuống mức tối đa, từ đó tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu cho sản phẩm

Bước 4: tại phân xưởng cắt: vải được cắt theo các thông số mà phòng kĩ thuật quy định, sau đó chuyển cho các phân xưởng may.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bước 5: sau khi nhận được vải từ phân xưởng cắt các phân xưởng may tiến hành dài chuyền may theo các công đoạn và quy trình công nghệ từng mặt hàng mã hàng

Bước 6: sản phẩm may xong được thừa khuy đính cúc, làm hoàn chỉnh vệ sinh công nghiệp

Bước 7: sản phẩm sau khi hoàn thành được đưa về đầu chuyền để bộ phận KCS để kiểm tra chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm đã đạt được thì đưa đi giặt là. Các sản phẩm không đạt thì trả lại tổ may để sửa

Bước 8: Sau khi giặt là xong. Các sản phẩm lại được kiểm tra một lần nữa, đóng gói theo quy định của từng loại sản phẩm. Sau đó nhập kho thành phẩm và xuất trực tiếp cho khách hàng.

Quy trình công nghệ sản xuất có ưu, nhược điểm như sau:

Ưu điểm: khi thực hiện chuyên môn hóa, chất lượng công việc sẽ cao hơn vì người lao động chỉ phải thực hiện một thao tác, là nhiều thì tay nghề sẽ được nâng cao giúp tăng năng suất lao động.

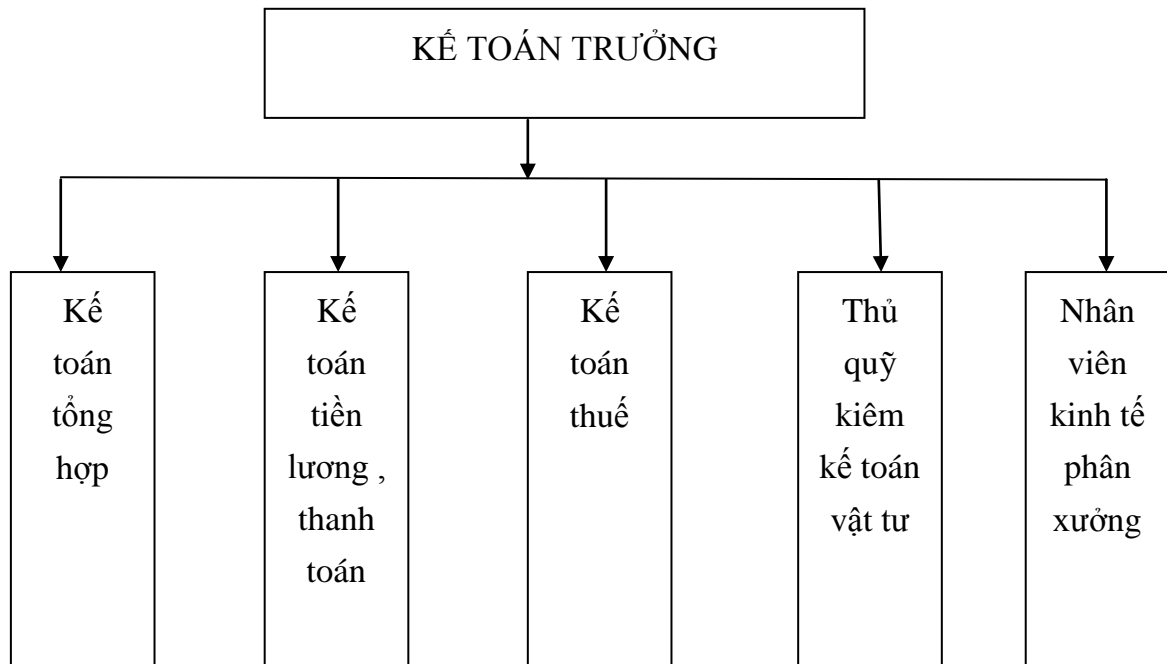
Hạn chế: nếu một bộ phận sản xuất kém thì sẽ ảnh hưởng xấu đến chất lượng chung của sản phẩm; người lao động chỉ làm một việc sẽ nhanh chóng cảm thấy nhàn chán và việc chuyển đổi bộ phận sẽ khó khăn, đồng thời công việc nghiệm thu sản phẩm đòi hỏi phải thường xuyên đổi mới làm tăng chi phí.

2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty bao gồm 1 kế toán trưởng và 5 nhân viên kế toán

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của công ty



Chức năng và nhiệm vụ :

- **Đứng đầu phòng kế toán là kế toán trưởng :** chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán ở phòng kế toán và cung cấp Báo cáo tài chính cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý nhà nước.
- **Kế toán tiền lương kiêm kế toán thanh toán:** Thực hiện các khoản thu chi, thanh toán các khoản nợ, tạm ứng và thu hồi công nợ, có nhiệm vụ kiểm tra quỹ lương các chế độ chính sách về tiền lương, đồng thời theo dõi vốn nội bộ ngân hàng.
- **Kế toán thuế:** Theo dõi các khoản thuế phải nộp, quyết toán các báo cáo thuế với chi cục thuế tỉnh Thái Bình.
- **Thủ quỹ kiêm kế toán vật tư:** thực hiện nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt, theo dõi tình hình xuất nhập tồn vật tư của công ty và lập báo cáo thống kê
- **Nhân viên kinh tế phân xưởng:** Có nhiệm vụ thu thập ghi chép, phản ánh nhưng thông tin kinh tế ban đầu phát sinh tại phân xưởng như tình hình lao động, lương ăn ca, hạch toán giá phân xưởng, cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp để hạch toán chung cho toàn công ty.

2.2.2. Các chính sách, chế độ kế toán được vận dụng tại công ty

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ kế toán được quy định trong quyết định 15/QĐ–BTC ngày 20/03/2006 và cùng với các văn bản quy định sửa đổi bổ sung khác.

Hiện nay công ty đang áp dụng Hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định 15/QĐ- BTC ngày 20/03/2006. Tuy nhiên do quy mô sản xuất vừa nên trong quá trình áp dụng công ty chỉ áp dụng một số tài khoản phù hợp với yêu cầu quản lý.

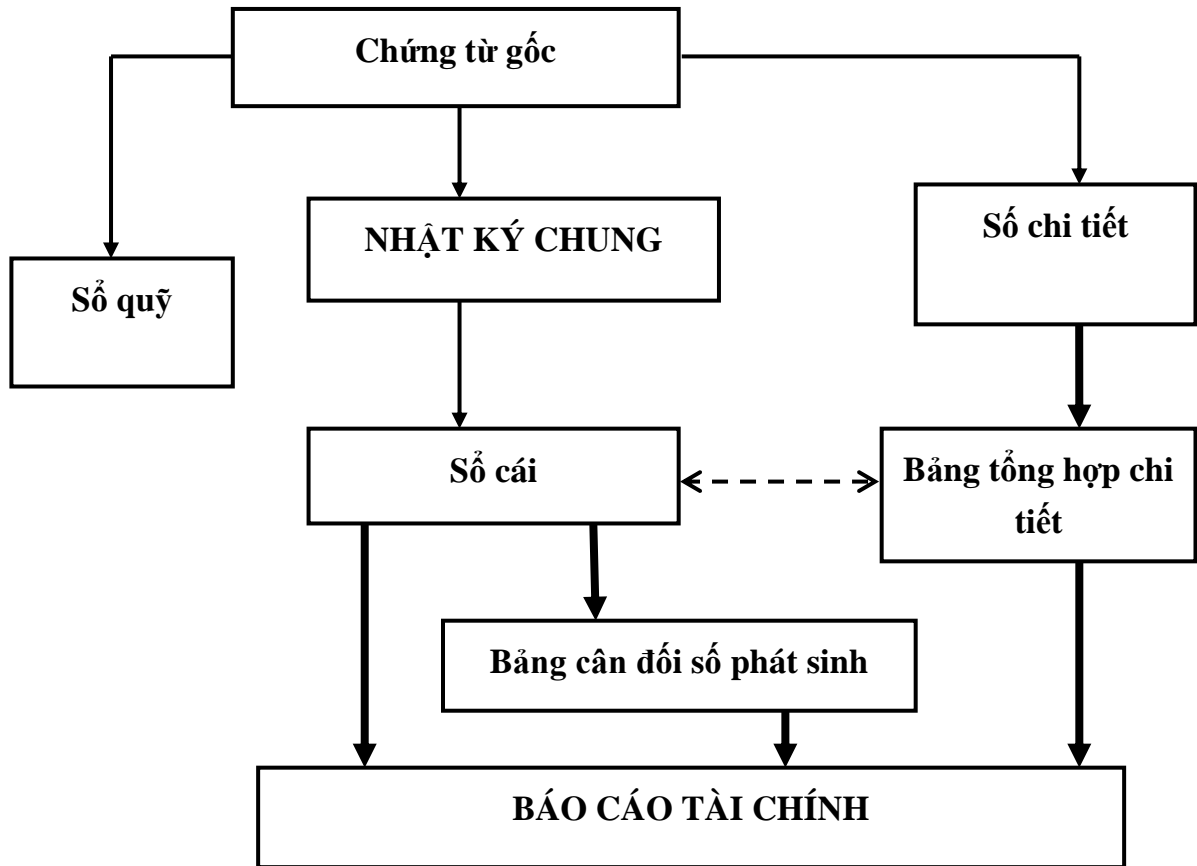
Tổ chức vận dụng các quy định khác trong chế độ kế toán tại công ty :

- Niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm
- Kỳ hạch toán là hàng tháng.
- Đơn vị tiền tệ: VNĐ
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc đánh giá tài sản : Nguyên tắc giá gốc.
- Phương pháp khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá hàng xuất trong kho kỳ : Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ
- Kế toán chi tiết NVL- CCDC theo phương pháp thẻ song song

2.2.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, công ty áp dụng hệ thống kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung”

Sơ đồ 2.4 : Trình tự hạch toán theo hình thức nhật ký chung



GHI CHÚ:

—————> Ghi hàng ngày

< - - - - > Đối chiếu kiểm tra

—————> Ghi cuối tháng

2.3. Thực trạng công tác kế toán NVL tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.3.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát là công ty sản xuất quần áo và NVL sử dụng trong công ty bao gồm rất nhiều loại khác nhau về tính năng, công dụng, phẩm cấp chất lượng, về chất liệu và kích thước. Bên cạnh đó, khối

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lượng NVL rất lớn và thường xuyên biến động. Đó đó để quản lý và hạch toán được NVL cần phải tiến hành phân loại theo tiêu thức nhất định.

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng tạo nên các sản phẩm may mặc: vải chính, vải lót,...
- Vật liệu phụ: có tác dụng làm tăng chất lượng hay góp phần hoàn thiện sản phẩm: chỉ may, chỉ thêu, cúc các loại...
- Nhiên liệu: cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất: điện xăng dầu...
- Phế liệu thu hồi: vải thừa và vải vụn...
- Phụ tùng thay thế: chân vịt máy khâu, dây cuaroa, kim khâu, bàn đạp... dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị khi bị hỏng.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý ngoài việc phân loại như trên công ty còn chia vật liệu chính ra thành từng thứ, chủng loại, quy cách vật liệu để giúp việc hạch toán chi tiết vật liệu được chính xác.

2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.3.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực} \\ \text{từ NVL} \\ \text{nhập do} \\ \text{mua} \\ \text{ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa của} \\ \text{đơn vị bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{chi phí liên} \\ \text{quan trực} \\ \text{tiếp} \end{array}$$

2.3.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Trị giá thực tế vật liệu xuất kho: Khi xuất kho vật liệu sử dụng cho hợp đồng sản xuất, kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng, khi nào hoàn thành sản phẩm thì kết chuyển chi phí vận chuyển đã chi vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và không phân bổ chi phí vận chuyển ngay sau mỗi lần xuất kho nguyên vật liệu. Công ty đánh giá vật liệu xuất kho theo **phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ**

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn ĐK} + \text{Trị giá NVL NK trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn ĐK} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế NVL xuất dùng} = \text{Số lượng NVL xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

2.3.3. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.3.3.1. Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho

❖ **Chứng từ nhập kho:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hóa đơn vận chuyển
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ , hàng hóa (Mẫu 05-VT)

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho**

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao do phòng kỹ thuật đề ra. Phân xưởng sản xuất lên kế hoạch nhập nguyên vật liệu, lập tờ trình xin mua nguyên vật liệu và trình lên ban giám đốc ký duyệt. Khi giám đốc ký duyệt thì phòng kinh doanh xin phiếu báo giá ở các cửa hàng và trình lên giám đốc ký duyệt giá. Sau khi giám đốc ký duyệt mức giá phù hợp nhất thì bắt đầu ký kết các hợp đồng mua bán.

Khi hàng về đến nơi lập ban kiểm nghiệm vật tư đánh giá NVL về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại và quy cách. Sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT và căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm đã được lập thành “ biên bản kiểm nghiệm vật tư”. Kế toán nguyên vật liệu tiến hành lập phiếu nhập kho. Trường hợp phát hiện thừa, thiếu sai quy cách phẩm chất thủ kho phải báo cáo cho bộ phận cung cấp và cùng người giao lập biên bản. Định kỳ từ 3 đến 5 ngày thủ kho chuyển giao phiếu nhập kho cho kế toán vật tư làm căn cứ ghi sổ kế toán .

2.3.3.2. Ví dụ minh họa

Em xin trích một số nghiệp vụ trong tháng 03 năm 2014 như sau:

VD1. Ngày 01/03/2014 mua nguyên vật liệu chính nhập kho của công ty may Nam Phước chưa thanh toán, theo hóa đơn số 0001251 bao gồm các vật tư sau:

- Vải Chính # BLACK 3.237 m đơn giá 43.000đ/m
- Vải Chính # NEGRO 3.000 m đơn giá 42.200đ/m
- Vải Chính # INDIGO 3.489 m đơn giá 40.700đ/m
- Vải Lót 210T #BLACK 6.500 m đơn giá 15.300đ/m

Tổng giá thanh toán bao gồm 10% VAT là 557.967.630đ và công ty chưa thanh toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN

Mẫu số 01 GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AB/14P

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Số : 0001251

Đơn vị bán hàng : **Công ty TNHH may Nam Phước**

Địa chỉ: Hà Nội

Số TK: 002323000123

Số ĐT: (043).823.020

Mã số thuế: 0102323230

Họ và tên người mua: Anh Vinh

Đơn vị : **Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát**

Địa chỉ: Đông La, Đông Hưng, Thái Bình

Số TK: 0024567899

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán

Mã số thuế: 1000364506

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------|-----------------------|----------------------------|----------|---------|-------------|
| 1. | Vải Chính #BLACK | m | 3.237 | 43.000 | 139.191.000 |
| 2. | Vải Chính #NEGRO | m | 3.000 | 42.200 | 126.600.000 |
| 3. | Vải Chính #INDIGO | m | 3.489 | 40.700 | 142.002.300 |
| 4. | Vải Lót 210T#BLACK | m | 6.500 | 15.300 | 99.450.000 |
| Thuế GTGT 10% | | Cộng tiền hàng : | | | 507.243.300 |
| | | Tiền thuế GTGT: | | | 50.724.330 |
| | | Tổng cộng tiền thanh toán: | | | 557.967.630 |

Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng chẵn.

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng(đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Số 22

Hôm nay ngày 01/03/2014. Tại kho nguyên vật liệu Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Chúng tôi gồm:-Thủ kho: Nguyễn Xuân Long

-Thống kê: Nguyễn Hoài Phương

Cùng nhau giám định vật tư theo bảng kê của:

+ Lô 13 ngày 01/03/2104. Số xe vận chuyển: 02. Số phiếu: 30

| TT | Tên vật tư | ĐVT | Số theo CT | Thực nhập | Thừa | Thiếu |
|-----------|---------------------|------------|-------------------|------------------|-------------|--------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Vải Chính #BLACK | m | 3.237 | 3.237 | - | - |
| 2 | Vải Chính #NEGRO | m | 3.000 | 3.000 | - | - |
| 3 | Vải Chính #INDIGO | m | 3.489 | 3.489 | - | - |
| 4 | Vải Lót 210T #BLACK | m | 6.500 | 6.500 | - | - |
| | Cộng | | 16.226 | 16.226 | | |

Giám đốc

(đã ký)

PKDXNK

(đã ký)

Thủ kho

(đã ký)

Thống kê

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất

Mẫu số 01-VT

khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Đông Hưng –Thái Bình Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 223

Số: NK24

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Nợ TK 152:

Có TK 331:

Họ tên người giao hàng: Mai Lan

Theo: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 22 ngày 01/03/2014

Nhập tại: Kho nguyên vật liệu của công ty.

| STT | Tên nhãn hiệu quy cách vật tư | ĐVT | Số lượng | | Đơn Giá | Thành Tiền |
|-----|-------------------------------|-----|----------|-----------|---------|--------------------|
| | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. | Vải Chính #BLACK | m | 3.237 | 3.237 | 43.000 | 139.191.000 |
| 2. | Vải Chính # NEGRO | m | 3.000 | 3.000 | 42.200 | 126.600.000 |
| 3. | Vải Chính #INDIGO | m | 3.489 | 3.489 | 40.700 | 142.002.300 |
| 4. | Vải Lót 210T #BLACK | m | 6.500 | 6.500 | 15.300 | 99.450.000 |
| | Cộng | | | | | 507.243.300 |

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

(đã ký)

Người nhận hàng

(đã ký)

Thủ kho

(đã ký)

Kế toán trưởng

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD2. Ngày 06/03/2014 mua nguyên vật liệu chính nhập kho của công ty TNHH vải Hoàng Yến đã thanh toán, theo hóa đơn số 0002459 bao gồm các loại sau:

- 1.000m Vải Dựng4038#WHITE đơn giá 15.000đ/m
- 350m Vải Dựng4038#BLACK đơn giá 18.000đ/m
- 1.120m Vải Chính#BLACK đơn giá 43.000đ/m
- 900m Vải Chính#NEGRO đơn giá 42.200đ/m

Tổng giá thanh toán 118.184.000đ (bao gồm 10%GTGT). Công ty thanh toán bằng tiền mặt tại quỹ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN

Mẫu số 01 GTKT3/ 001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/10Q

Liên 2 (giao cho khách hàng)

Số: 0002459

Ngày 06/03/2014

Đơn vị bán hàng : **Công ty TNHH Vải Hoàng Yến**

Địa chỉ : 3/123 Hoàng Diệu , Thái Bình Số TK : 0023457802

Số ĐT : 036.3791788 MST: 0100942201

Họ tên người mua hàng: Anh Vinh

Đơn vị : **Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát**

Địa chỉ : Đông La, Đông Hưng, Thái Bình Số TK: 0024567899

Hình thức thanh toán : TM MST : 1000364506

| STT | Tên hàng hóa , dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|------------------------|-------------|----------|---------|-------------|
| 1. | Vải Dựng4038#WHITE | m | 1.000 | 15.000 | 15.000.000 |
| 2. | Vải Dựng4038#BLACK | m | 350 | 18.000 | 6.300.000 |
| 3. | Vải Chính#BLACK | m | 1.120 | 43.000 | 48.160.000 |
| 4. | Vải Chính#NEGRO | m | 900 | 42.200 | 37.980.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 107.440.000 |
| Thuế suất thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT: | | | | | 10.744.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 118.184.000 |

Số tiền bằng chữ : Một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn.

Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Số 35

Hôm nay ngày 06/03/2014. Tại kho nguyên liệu của công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Chúng tôi gồm: - Thủ kho: Nguyễn Xuân Long

- Thống kê: Nguyễn Hoài Phương

Cùng nhau giám định vật tư theo chứng từ như sau:

+ Lô 20 ngày 06/03/2014. Số xe vận chuyển : 01 . Số phiếu : 36

| STT | Tên vật tư | ĐVT | Trên CT | Thực nhập | Thừa | Thiếu |
|------------|--------------------|------------|----------------|------------------|-------------|--------------|
| 1 | Vải Dụng4038#WHITE | m | 1.000 | 1.000 | - | - |
| 2 | Vải Dụng4038#BLACK | m | 350 | 350 | - | - |
| 3 | Vải Chính#BLACK | m | 1.120 | 1.120 | - | - |
| 4 | Vải Chính#NEGRO | m | 900 | 900 | - | - |
| | Tổng | | 3.370 | 3.370 | | |

Giám đốc(đã ký)

Thủ kho(đã ký)

Thống kê(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị: Công ty TNHH may xuất
khẩu Minh Long Phát.**

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số :15/2006QĐ

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Quyển số: 16

Số : 21

Nợ TK 152: 107.440.000

Nợ TK 133: 10.744.000

Có TK 111: 118.184.000

Họ tên người nhận tiền: **CÔNG TY TNHH VẢI HOÀNG YẾN**

Địa chỉ: 3/123 Hoàng Diệu, Thái Bình

Lý do chi: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 118.184.000

Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn..

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 06 tháng 03 năm 2014

| | | | | |
|----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Giám đốc (đã ký) | Kế toán trưởng (đã ký) | Người lập phiếu (đã ký) | Thủ quỹ (đã ký) | Người nhận (đã ký) |
|----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất

Mẫu số 01-VT

khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Đông Hưng-Thái Bình

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 223

Số: NK25

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Nợ TK 152:

Có TK 111:

Họ tên người giao hàng: Anh Vinh

Theo: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 35 ngày 06/03/2014

Nhập tại kho nguyên liệu của công ty

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-----------------------|-----|----------|---------|--------------------|
| 1 | Vải Dựng4038#WHITE | m | 1.000 | 15.000 | 15.000.000 |
| 2 | Vải Dựng 4038#BLACK | m | 350 | 18.000 | 6.300.000 |
| 3 | Vải Chính#BLACK | m | 1.120 | 43.000 | 48.160.000 |
| 4 | Vải Chính#NEGRO | m | 900 | 42.200 | 37.980.000 |
| | Cộng | | | | 107.440.000 |

Bằng chữ: Một trăm linh bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn.

Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD3. Ngày 15/03 mua nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của công ty TNHH may Nam Phước bao gồm :

- 1.500 m Vải Chính # NEGRO đơn giá 42.200/m
- 250 m Vải Dựng 4038# BLACK đơn giá 18.000/m
- 250mVải Dựng 4038# WHITE đơn giá 15.000/m
- 1.200mVải Chính#BLACK đơn giá 38.800/m
- 250mVải Dựng 9319#WHITE đơn giá 12.200/m

Giá chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 126.200.000Đ và thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN

Mẫu số 01 GTGT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/14P

Liên 2: Giao cho người mua

Số hóa đơn: 0005562

Ngày 15/03/2014

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH may Nam Phước

Địa chỉ: Hà Nội Số TK: 002323000123 Mã số thuế: 0102323230

Điện thoại: (043).823.020

Họ tên người mua hàng: Anh Vinh

Đơn vị: Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát

Hình thức thanh toán : CK. MST: 1000364506 Số TK: 10003647899

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------------|---------------------|----------------------------|----------|---------|-------------|
| 1. | Vải Chính # NEGRO | m | 1500 | 42.200 | 63.300.000 |
| 2. | Vải Dụng4038#BLACK | m | 250 | 18.000 | 4.500.000 |
| 3. | Vải Dụng 4038#WHITE | m | 250 | 15.000 | 3.750.000 |
| 4. | Vải Chính#BLACK | m | 1.200 | 43.000 | 51.600.000 |
| 5. | Vải Dụng 9319#WHITE | m | 250 | 12.200 | 3.050.000 |
| | | Cộng tiền hàng: | | | 126.200.000 |
| Thuế suất GTGT 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 12.620.000 |
| | | Tổng cộng tiền thanh toán: | | | 138.820.000 |

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

Ngày 15 tháng 03 năm 2014

Người mua hàng(đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Số 40

Hôm nay ngày 15/03/2014. Tại kho nguyên liệu của công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Chúng tôi gồm: - Thủ kho: Nguyễn Xuân Long

- Thống kê: Nguyễn Hoài Phương

Cùng nhau giám định vật tư theo chứng từ như sau:

Lô 25 ngày 15/03/2014 . Số xe vận chuyển: 02 . Số phiếu 42

| STT | Tên vật tư | ĐVT | Trên CT | Thực nhập | Thừa | Thiếu |
|------------|---------------------|------------|----------------|------------------|-------------|--------------|
| 1. | Vải Chính # NEGRO | m | 1500 | 1500 | - | - |
| 2. | Vải Dựng 4038#BLACK | m | 250 | 250 | | |
| 3. | Vải Dựng 4038#WHITE | m | 250 | 250 | - | - |
| 4. | Vải Chính#BLACK | m | 1200 | 1200 | - | - |
| 5. | Vải Dựng 9319#WHITE | m | 250 | 250 | - | - |
| | Tổng | | 3450 | 3450 | | |

Giám đốc(đã ký)

Thủ kho(đã ký)

Thống kê(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất

Mẫu số 01-VT

khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Đông Hưng-TB

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyền số: 223

Số: NK26

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 03 năm 2014

Nợ TK 152:

Họ tên người giao hàng: Anh Vinh

Có TK 1121:

Theo: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 40 ngày 15/03/2014

Nhập tại kho: Nguyên vật liệu của công ty

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------|-----|----------|---------|--------------------|
| 1. | Vải Chính # NEGRO | m | 1500 | 42.200 | 63.300.000 |
| 2. | Vải Dựng 4038#BLACK | m | 250 | 18.000 | 4.500.000 |
| 3. | Vải Dựng 4038#WHITE | m | 250 | 15.000 | 3.750.000 |
| 4. | Vải Chính#BLACK | m | 1.200 | 43.000 | 51.600.000 |
| 5. | Vải Dựng 9319#WHITE | m | 250 | 12.200 | 3.050.000 |
| | Tổng | | | | 126.200.000 |

Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT người mua viết ủy nhiệm chi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (Date) 15/03/2014

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN

(Please Debit account):

SỐ TK(A/C No): 002323000123

**TÊN TK(A/C Name): Công ty
TNHH may Nam Phước**

ĐỊA CHỈ(address):

TẠI NH(with Bank):

SỐ TIỀN

(With amount)

PHÍ NH:

(Bank change)

BẢNG SỐ

(In figure): **138.820.000 VNĐ**

**BẢNG CHỮ(In words) : Một
trăm ba mươi tám triệu tám trăm
hai mươi nghìn đồng chẵn.**

& GHI CÓ TÀI KHOẢN

(& Credit account):

SỐ TK(A/C No): 10003647899

**TÊN TK(A/C Name): Công ty TNHH
may xuất khẩu Minh Long Phát**

ĐỊA CHỈ(Address):

TẠI NH(With Bank):

NỘI DUNG (Details of payment)

Trả tiền hàng theo HĐ0005562

**Kế toán
trưởng ký**

**Chủ tài khoản
đóng dấu**

DÀNH CHO NGÂN HÀNG(For Bank's use only): **MÃ VAT**

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

2.3.4. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

2.3.4.1. Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ

❖ Chứng từ xuất kho

- Lệnh xuất kho
- Phiếu đề nghị xuất kho
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho

Vật liệu được xuất kho cho các phân xưởng sản xuất. Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, kế toán nguyên vật liệu lập phiếu xuất kho thành ba liên:

Một liên giao cho thủ kho là căn cứ lưu thẻ kho. Một liên giữ lại là căn cứ lưu phòng kế toán

Một liên thống kê phân xưởng mang về cùng với số nguyên vật liệu được cấp. Người lập phiếu xuất kho ghi rõ số, ngày tháng năm của phiếu xuất kho và mục đích sử dụng.

2.3.4.2. Ví dụ minh họa

VD1. Ngày 04 tháng 03 năm 2014 xuất kho bao gồm : 384m Vải chính#BLACK, 1.000m Vải chính#NEGRO, 500m Vải Dựng4038#WHITE và 7.200m Vải Lót 210T#BLACK. Cho phân xưởng sản xuất áo sơ mi nam.

VD2. Ngày 23 tháng 03 năm 2014 xuất kho bao gồm: 1.400m Vải Chính#NEGRO, 249m Vải Dựng 4038#BLACK, 249m Vải Dựng 4038#WHITE . Cho phân xưởng sản xuất quần dài .

VD3. Ngày 24 tháng 03 năm 2014 xuất kho bao gồm: 4.173m Vải Chính#BLACK, 3.230m Vải Chính INDIGO, 4.000m Vải Chính#NEGRO và 300m Vải Dựng 9319#WHITE. Để sản xuất sản phẩm 16236PK- MANGO.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Nguyễn Văn Anh

Bộ phận: phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

| STT | Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------|----------|---------|
| 1. | Vải Chính#BLACK | m | 384 | |
| 2. | Vải Chính#NEGRO | m | 1.000 | |
| 3. | Vải Dựng4038#WHITE | m | 500 | |
| 4. | Vải Lót 210T#BLACK | m | 7.200 | |

Ngày 04 tháng 03 năm 2014

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH may

Mẫu: 02 –VT

xuất khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 03 năm 2014

Số: **XK 21**

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Anh

Nợ TK 621

Địa chỉ (bộ phận): xưởng sản xuất

Có TK 152

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất áo sơ mi nam.

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------------|----------|-----------|---------|------------|
| | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1. | Vải Chính#BLACK | m | 384 | 384 | | |
| 2. | Vải Chính#NEGRO | m | 1.000 | 1.000 | | |
| 3. | Vải Dụng4038#WHITE | m | 500 | 500 | | |
| 4. | Vải Lót 210T#BLACK | m | 7.200 | 7.200 | | |
| | Cộng | | | | | |

Ngày 04 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là : Nguyễn Văn Anh

Bộ phận : phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

| STT | Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------|----------|---------|
| 1. | Vải Chính # NEGRO | m | 1.400 | |
| 2. | Vải Dựng 4038#BLACK | m | 249 | |
| 3. | Vải Dựng 4038#WHITE | m | 249 | |

Ngày 23 tháng 03 năm 2014

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH may

Mẫu: 02-VT

xuất khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 03 năm 2014

Số : **XK 22**

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Anh

Nợ TK 621

Địa chỉ (bộ phận) : xưởng sản xuất

Có TK 152

Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất quần dài.

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------------|----------|-----------|---------|------------|
| | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1. | Vải Chính # NEGRO | m | 1.400 | 1.400 | | |
| 2. | Vải Dụng4038#BLACK | m | 249 | 249 | | |
| 3. | Vải Dụng4038#WHITE | m | 249 | 249 | | |
| | Cộng | | | | | |

Ngày 23 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là : Nguyễn Văn Anh

Bộ phận: phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

| STT | Tên , nhãn hiệu quy cách vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-------------|----------|---------|
| 1. | Vải Chính #BLACK | m | 4.173 | |
| 2. | Vải Chính INDIGO | m | 3.230 | |
| 3. | Vải Chính#NEGRO | m | 4.000 | |
| 4. | Vải Dựng 9319#WHITE | m | 300 | |

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH may

Mẫu 02- VT

xuất khẩu Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Số : XK 23

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Anh

Địa chỉ: phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: sản xuất sản phẩm 16236PK-MANGO

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-----|----------|-----------|---------|------------|
| | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1. | Vải Chính #BLACK | m | 4.173 | 4.173 | | |
| 2. | Vải Chính INDIGO | m | 3.230 | 3.230 | | |
| 3. | Vải Chính#NEGRO | m | 4.000 | 4.000 | | |
| 4. | Vải Dựng 9319#WHITE | m | 300 | 300 | | |
| | Cộng | | | | | |

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

2.3.5. Tổ chức hạch toán chi tiết NVL tại Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí VL thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy công tác quản lý phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn theo từng loại cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị. Xác định được tầm quan trọng của công tác quản lý vật liệu, nhằm đáp ứng yêu cầu trên, công ty tổ chức hạch toán NVL theo phương pháp thẻ song song.

2.3.5.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho

Ở kho căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho vào thẻ kho nhằm theo dõi số lượng nhập, xuất tồn của từng loại vật tư ở từng kho. Làm căn cứ xác định tồn kho dự trữ vật liệu và xác định trách nhiệm vật chất của thủ kho.

❖ Tính giá xuất kho cho NVL

$$\text{Giá xuất kho cho NVL} = \frac{\text{Giá trị SDDK} + \text{Giá trị SPS trong kỳ}}{\text{Số lượng dư ĐK} + \text{Số lượng PS trong kỳ}}$$

$$\text{Vải Chính\#BLACK} = \frac{0 + 3.237 \times 43.000 + 1.120 \times 43.000 + 1.200 \times 43.000}{3.237 + 1.120 + 1.200}$$

$$\text{Vải Chính\#NEGRO} = \frac{1.400 \times 42.000 + 3.000 \times 42.200 + 900 \times 42.200 + 1.500 \times 42.200}{1.400 + 3.000 + 900 + 1.500}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH may xuất khẩu

Mẫu: S12-DN

Minh Long Phát

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Bộ phận: kho xưởng

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/03/2014

Tờ số: 22

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Vải Chính#BLACK**
- Đơn vị tính: m

| STT | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | | Ký xác nhận của kt |
|-----|----------|-------|------------------------|-----------------------|----------|-------|--------------|-----------------------------|
| | SH | Ngày | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | Số dư đầu tháng | | | | 0 | |
| 1. | NK24 | 01/03 | Nhập kho NVL | 01/03 | 3.237 | | 3.237 | |
| 2. | XK21 | 04/03 | Xuất kho NVL | 04/03 | | 384 | 2.853 | |
| 3. | NK25 | 06/03 | Nhập kho NVL | 06/03 | 1.120 | | 3.973 | |
| 4. | NK26 | 15/03 | Nhập kho NVL | 15/03 | 1.200 | | 5.173 | |
| 5. | XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL | 24/03 | | 4.173 | 1.000 | |
| | | | Cộng cuối kỳ | | | | 1.000 | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH may xuất khẩu

Mẫu: S12-DN

Minh Long Phát.

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Bộ phận: Kho xưởng

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/03/2014

Tờ số: 23

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Vải Chính#NEGRO**
- Đơn vị tính: m

| ST T | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | | Ký xác nhận của kt |
|---------|----------|---------------|---------------------|-----------------------|----------|-------|--------------|-----------------------------|
| | SH | Ngày tháng | | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | Dư đầu kỳ | | | | 1.400 | |
| 1. | NK24 | 01/03 | Nhập kho NVL | 01/03 | 3.000 | | 4.400 | |
| 2. | XK21 | 04/03 | Xuất kho NVL | 04/03 | | 1.000 | 3.400 | |
| 3. | NK25 | 06/03 | Nhập kho NVL | 06/03 | 900 | | 4.300 | |
| 4. | NK26 | 15/03 | Nhập kho NVL | 15/03 | 1.500 | | 5.800 | |
| 5. | XK22 | 23/03 | Xuất kho NVL | 23/03 | | 1.400 | 4.400 | |
| 6. | XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL | 24/03 | | 4.000 | 400 | |
| | | | Cộng cuối kỳ | | | | 400 | |

Tương tự như vậy, thủ kho vào thẻ kho các vật tư còn lại

2.3.5.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại phòng kế toán

Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật tư phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào các thẻ kế toán chi tiết vật tư có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho về mặt giá trị của từng loại vật tư. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT

BẢNG LŨY KẾ NHẬP NVL

Tháng 03/2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------|-------|-------------------------|-----|----------|---------|--------------------|
| Số | Ngày | | | | | |
| NK24 | 01/03 | Mua Vải Chính#BLACK | m | 3.237 | 43.000 | 139.191.000 |
| | | Mua Vải Chính#NEGRO | m | 3.000 | 42.200 | 126.600.000 |
| | | Mua Vải Chính#INDIGO | m | 3.489 | 40.700 | 142.002.300 |
| | | Mua Lót 210T#BLACK | m | 6.500 | 15.300 | 99.450.000 |
| NK25 | 06/03 | Mua Vải Dụng4038#WHITE | m | 1.000 | 15.000 | 15.000.000 |
| | | Mua Vải Dụng4038#BLACK | m | 350 | 18.000 | 6.300.000 |
| | | Mua Vải Chính#BLACK | m | 1.120 | 43.000 | 48.160.000 |
| | | Mua Vải Chính#NEGRO | m | 900 | 42.200 | 37.980.000 |
| NK26 | 15/06 | Mua Vải Chính#NEGRO | m | 1.500 | 42.200 | 63.300.000 |
| | | Mua Vải Dụng 4038#BLACK | m | 250 | 18.000 | 4.500.000 |
| | | Mua Vải Dụng4038#WHITE | m | 250 | 15.000 | 3.750.000 |
| | | Mua Vải Chính#BLACK | m | 1.200 | 43.000 | 51.600.000 |
| | | Vải Dụng9319#WHITE | m | 250 | 12.200 | 3.050.000 |
| | | Cộng | | | | 740.883.300 |

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT

BẢNG LŨY KẾ XUẤT NVL

Tháng 03/2014

| Chứng từ | | Diễn giải | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----------|-------|-----------------------|-----|----------|---------------|--------------------|
| Số | Ngày | | | | | |
| XK21 | 04/03 | Xuất kho NVL cho SXSP | | | | |
| | | Vải Chính#BLACK | m | 384 | 43.000 | 16.512.000 |
| | | Vải Chính#NEGRO | m | 1.000 | 42.160 | 42.160.000 |
| | | Vải Dựng4038#WHITE | m | 500 | 14.860 | 7.430.000 |
| | | Vải Lót210T#BLACK | m | 7.200 | 15.270 | 109.944.000 |
| XK22 | 23/03 | Xuất kho NVL cho SXSP | | | | |
| | | Vải Chính#NEGRO | m | 1.400 | 42.160 | 59.024.000 |
| | | Vải Dựng4038#BLACK | m | 249 | 17.860 | 4.447.140 |
| | | Vải Dựng4038#WHITE | m | 249 | 14.860 | 3.700.140 |
| XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL cho SXSP | | | | |
| | | Vải Chính#BLACK | m | 4.173 | 43.000 | 179.439.000 |
| | | Vải Chính INDIGO | m | 3.230 | 40.597 | 131.128.310 |
| | | Vải Chính#NEGRO | m | 4.000 | 42.160 | 168.640.000 |
| | | Vải Dựng9319#WHITE | m | 300 | 12.110 | 3.633.000 |
| | | Cộng | | | | 726.057.590 |

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Mẫu số S10-DN

Địa chỉ: Đông La, Đông Hưng, Thái Bình

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 03/2014

Tên vật tư: **Vải Chính#BLACK**

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|-------|------------------------------|-------|---------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------------|
| Số | Ngày | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Tồn đầu tháng | | | | | | | | |
| NK24 | 01/03 | Nhập kho NVL theo HĐ0001251 | 331 | 43.000 | 3.237 | 139.191.000 | | | | |
| XK21 | 04/03 | Xuất cho PXSXSP | 621 | | | | 384 | | | |
| NK25 | 06/03 | Nhập kho NVL theo HĐ0002459 | 111 | 43.000 | 1.120 | 48.160.000 | | | | |
| NK26 | 15/03 | Nhập kho NVL theo HĐ0005562 | 112 | 43.000 | 1.200 | 51.600.000 | | | | |
| XK23 | 24/03 | Xuất cho PXSXSP | 621 | | | | 4.173 | | | |
| | | Phát sinh trong tháng | | | 5.557 | 238.951.000 | 4.557 | 195.951.000 | | |
| | | Tồn cuối tháng | | | | | | | 1.000 | <u>43.000.000</u> |

Người ghi sổ(đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

Sinh viên: Vũ Thị Quý

Lớp : QT1501K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát

Địa chỉ: Đông La- Đông Hưng- Thái Bình

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 03/2014

Tên vật tư: **Vải Chính# NEGRO**

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|-------|---------------------------------|----------|------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------------|
| Số | Ngày | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Tồn đầu tháng | | | | | | | 1.400 | <u>58.800.000</u> |
| NK24 | 01/03 | Nhập kho NVL theo HĐ 0001251 | 331 | 42.200 | 3.000 | 126.600.000 | | | | |
| XK21 | 04/03 | Xuất kho NVL cho PXSX | 621 | | | | 1.000 | | | |
| NK25 | 06/03 | Nhập kho NVL theo HĐ 0002459 | 111 | 42.200 | 900 | 37.980.000 | | | | |
| NK26 | 15/03 | Nhập kho NVL theo HĐ 0005562 | 112 | 42.200 | 1.500 | 63.300.000 | | | | |
| XK22 | 23/03 | Xuất kho NVL cho PXSX | 621 | | | | 1.400 | | | |
| XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL cho PXSX | 621 | | | | 4.000 | | | |
| | | Phát sinh trong tháng | | | 5.400 | 227.880.000 | 6.800 | 269.824.000 | | |
| | | Tồn cuối tháng | | | | | | | 1.400 | <u>16.856.000</u> |

Người ghi sổ(đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

Sinh viên: Vũ Thị Quý

Lớp : QT1501K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Cty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN NVL

Địa chỉ: Đông La - Đông Hưng- Thái Bình

Tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Mã và tên NVL | ĐVT | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|-----|---------------------|-----|------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|-------------|--------------------|
| | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| 1. | Vải Chính#BLACK | m | 0 | 0 | 5.557 | 238.951.000 | 4.557 | 195.951.000 | 1.000 | 43.000.000 |
| 2. | Vải chính#NEGRO | m | 1.400 | 58.800.000 | 5.400 | 227.880.000 | 6.800 | 269.824.000 | 1.400 | 16.856.000 |
| 3. | Vải Dựng 4038#WHITE | m | 500 | 7.250.000 | 1.250 | 18.750.000 | 749 | 11.130.140 | 1.001 | 14.869.860 |
| 4. | Vải Dựng 4038#BLACK | m | 150 | 2.595.000 | 600 | 10.800.000 | 249 | 4.447.140 | 501 | 8.947.860 |
| 5. | Vải Lót 210T#BLACK | m | 700 | 10.500.000 | 6.500 | 99.450.000 | 7.200 | 109.944.000 | 0 | 0 |
| 6. | Vải Dựng 9319#WHITE | m | 200 | 2.400.000 | 250 | 3.050.000 | 300 | 3.633.000 | 150 | 1.817.000 |
| 7. | Vải Chính#INDIGO | m | 600 | 24.000.000 | 3.489 | 142.002.300 | 3.230 | 131.138.000 | 859 | 34.864.300 |
| | Tổng | | | 105.545.000 | | 740.883.300 | | 726.067.280 | | 120.370.710 |

Người lập biểu(đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.3.6. Tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Công ty hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL kế toán tổng hợp để ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ NKC, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ NKC để ghi vào sổ theo các tài khoản kế toán tổng hợp.

Đơn vị: Công ty TNHH may xuất khẩu
Minh Long Phát
Địa chỉ: Đông La- Đông Hưng- Thái Bình

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích tháng 03 năm 2014)

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | Số hiệu TK | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|-------|---------------------------------|---------------|------------|--------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày | | | | Nợ | Có |
| | | | Số lũy kế trang trước | | | ... | ... |
| 01/03 | NK24 | 01/03 | Nhập kho NVL mua theo HĐ0001251 | x | 152 | 507.243.300 | |
| | | | | | 133 | 50.724.330 | |
| | | | | | 331 | | 557.967.630 |
| 06/03 | NK25 | 06/03 | Nhập kho NVL mua theo HĐ0002459 | x | 152 | 107.440.000 | |
| | | | | | 133 | 10.744.000 | |
| | | | | | 111 | | 118.184.000 |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

| | | | | | | | |
|--------------------|------|-------|---------------------------------|-----|-----|----------------------|----------------------|
| 15/03 | NK26 | 15/03 | Nhập kho NVL mua theo HĐ0005562 | x | 152 | 126.200.000 | |
| | | | | | 133 | 12.620.000 | |
| | | | | | 112 | | 138.820.000 |
| 31/03 | XK22 | 04/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | x | 621 | 176.046.000 | |
| | | | | | 152 | | 176.046.000 |
| 31/03 | XK22 | 23/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | x | 621 | 67.171.280 | |
| | | | | | 152 | | 67.171.280 |
| 31/03 | XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | x | 621 | 482.850.000 | |
| | | | | | 152 | | 482.850.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Cộng lũy kế | | | | | | 1.541.038.910 | 1.541.038.910 |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ (đã ký)

Kế toán trưởng(đã ký)

Giám đốc(đã ký)

Căn cứ vào nhật ký chung , kế toán vào sổ cái , sổ cái TK 152 tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát được ghi một lần vào ngày cuối tháng sau khi đã khóa sổ, kiểm tra đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH may xuất khẩu
Minh Long Phát.

Địa chỉ: Đông La- Đông Hưng-Thái Bình

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Trích tháng 03 năm 2014)

TÀI KHOẢN 152 – NGUYÊN VẬT LIỆU

ĐVT: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------------------------|----------|-------|----------------------------------|----------|--------------------|--------------------|
| | Số | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu tháng | | 105.545.000 | |
| 01/03 | NK24 | 01/03 | Nhập NVL theo HĐ 0001251 | 331 | 507.243.300 | |
| 06/03 | NK25 | 06/03 | Nhập NVL theo HĐ 0002459 | 111 | 107.440.000 | |
| 15/03 | NK26 | 15/03 | Nhập NVL theo HĐ 0005562 | 112 | 126.200.000 | |
| 31/03 | XK21 | 04/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | 621 | | 176.046.000 |
| 31/03 | XK22 | 23/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | 621 | | 67.171.280 |
| 31/03 | XK23 | 24/03 | Xuất kho NVL phục vụ sản xuất | 621 | | 482.850.000 |
| | | | Cộng phát sinh | | 740.883.300 | 726.057.590 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | 120.370.710 | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ (đã ký)

Kế toán trưởng (đã ký)

Giám đốc (đã ký)

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MAY
XUẤT KHẨU MINH LONG PHÁT**

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Là một công ty có quy mô sản xuất kinh doanh vừa, là một đơn vị hạch toán độc lập. Sản phẩm là hàng may mặc nên nguyên liệu sản xuất bao gồm nhiều chủng loại kích cỡ khác nhau như: vải các loại, chỉ, bông, cúc, móc ... chính những đặc điểm đó đã đặt ra cho công ty một nhiệm vụ hết sức nặng nề và quan trọng trong công tác quản lý và hạch toán vật liệu trong suốt quá trình từ thu mua, vận chuyển để bảo quản dự trữ và sử dụng.

Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát mới thành lập nên chỉ mua nguyên vật liệu và sản xuất phục vụ trong nước. Công ty đang tìm kiếm các thị trường nước ngoài phù hợp để xuất khẩu.

NVL của công ty được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau: Vật liệu do mua ngoài, do tiết kiệm trong sản xuất, ... nên việc quản lý vật liệu có nét riêng biệt và khó khăn. Công ty đã tổ chức kho bãi theo nguồn nhập như: kho VL, kho phụ liệu, ... để quản lý và sử dụng vật liệu cho thuận tiện và hiệu quả như:

- Kho vật liệu: chứa các nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất.
- Kho phụ liệu: chứa các phụ liệu phục vụ trong quá trình sản xuất như: kim chỉ, cúc, méch,
- Kho nhiên liệu: Bảo quản và dự trữ nhiên liệu
- Kho cơ khí: Chứa phụ tùng thay thế.

3.1.2. Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán công ty.

Hiện nay, công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung. Sự thống nhất trong tổ chức bộ máy kế toán giúp cho kế toán trưởng nắm bắt được công việc của các kế toán viên và các kế toán đơn vị trực thuộc một cách kịp thời. Với đội ngũ nhân viên kế toán, hệ thống kế toán của công ty được tổ chức một cách gọn nhẹ và tương đối hoàn chỉnh, công tác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kế toán gần như được chuyên môn hóa cao. Các phần hành kế toán được phân công rõ ràng cho từng kế toán viên, có sự kết hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành kế toán với nhau đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp ghi chép. Do đó sổ sách kế toán dễ kiểm tra, đối chiếu, kịp thời phát hiện sai sót và sửa chữa.

Về tổ chức chứng từ và sổ sách kế toán tại công ty.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung, đây là hình thức phổ biến, đơn giản, phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp và phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc. Hệ thống tài khoản của công ty phù hợp với quy định của bộ tài chính ban hành. Mặt khác công ty cũng cập nhật và vận dụng kịp thời những thay đổi trong hệ thống tài khoản theo thông tư hướng dẫn của bộ tài chính. Nói chung công ty đã thiết kế cho mình một hệ thống chứng từ phù hợp với đặc điểm hạch toán của mình. Từ đó giúp hạn chế được nhiều sai sót và nâng cao hiệu quả.

Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tại công ty.

Công ty có đội ngũ cán bộ chuyên thu mua nguyên vật liệu chuyên nghiệp, mỗi người được phân công một số loại vật tư nhất định nào đó nên việc quản lý chứng từ, hóa đơn về thu mua cũng rất hợp lý, thuận tiện đồng thời cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất đúng kế hoạch.

Nhu cầu sử dụng NVL ở các phân xưởng đều được phòng kế toán vật tư kiểm tra, xét duyệt trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất. Qua đó có thể thấy công tác kế toán NVL được tiến hành khá nề nếp, đảm bảo tuân thủ các chế độ kế toán, phù hợp với yêu cầu của công ty, đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện quản lý chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn kho. Tính toán phân bổ chính xác cho từng đối tượng sử dụng.

3.1.3. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, trong việc hạch toán kế toán nói chung, hạch toán nguyên vật liệu của công ty nói riêng cũng không tránh khỏi những nhược điểm. Một số nhược điểm của công ty như sau:

- Công ty vẫn không sử dụng các kí hiệu riêng cho từng loại vải nên công tác thu mua và phân loại gặp rất nhiều khó khăn.
- Phế liệu thu hồi (như vải vụn...) chưa được xử lý đúng đắn gây lãng phí.

- Công ty chưa áp dụng tin học vào công tác kế toán: hiện nay công ty chưa có phần mềm kế toán để phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của kế toán. Phần lớn các nghiệp vụ được ghi bằng tay, vào cuối kỳ kế toán khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm kế toán rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc. Trong nền kinh tế năng động và phát triển như hiện nay chưa áp dụng phần mềm là khó khăn trở ngại lớn cho công ty.
- Trong đội ngũ cán bộ tồn tại số ít những người còn hạn chế về năng lực cũng như chuyên môn nghiệp vụ, còn thụ động trong công việc chưa đáp ứng được và theo kịp yêu cầu mới của công ty.

3.1.4. Phương hướng chung để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Hoàn thiện có nghĩa là việc thay đổi và bổ sung để công việc được tiến hành hiệu quả hơn và phù hợp với yêu cầu của nhà quản lý về việc hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán kế toán. Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL cũng như hạch toán kế toán nói chung là việc hoàn thiện những công việc đã được quy định theo quy tắc nhất định .

Theo chuẩn mực quốc tế để xây dựng hệ thống chế độ kế toán riêng phù hợp với từng điều kiện của nước ta. Như vậy chế độ kế toán của Việt Nam có thể vận dụng theo yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị mình để có thể rút ngắn hay thay đổi công tác kế toán cho phù hợp trên nguyên tắc chấp hành những quy định chung mà nhà nước đã ban hành.

Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình.

Hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán NVL ở công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả công tác kế toán. Do vậy các biện pháp đề ra cho việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

là việc chấp hành đúng chế độ mà nhà nước quy định nhưng phải có tính hiệu quả và hiệu năng cho doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát.

Ý kiến thứ nhất: Lập bảng danh điểm NVL

Hiện nay công ty rất đa dạng chủng loại NVL nên việc kiểm tra đối chiếu hạch toán, tính giá NVL gặp nhiều khó khăn. Vì vậy để thuận lợi cho việc theo dõi quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một cách hệ thống và khoa học công ty nên xây dựng hệ thống sổ danh điểm nguyên vật liệu. Trong sổ danh điểm, vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm quy cách nguyên vật liệu một cách chặt chẽ sẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán NVL ở công ty được thống nhất.

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

| Ký hiệu | | Tên, quy cách, chủng loại vật tư | Đơn vị tính | Đơn giá | Ghi chú |
|-------------|------------------------------|----------------------------------|-------------|---------|---------|
| SH | Điểm danh NVL, CCDC | | | | |
| 1521 | Nguyên vật liệu chính | | | | |
| 1521 | | | | | |
| | 1521- BLA | Vải chính BLACK | m | | |
| | 1521- EX.BL | Vải chính EXOTIC BLUE | m | | |
| | | | | | |
| 1522 | Nguyên vật liệu phụ | | | | |
| | 1522- D4038B | Vải dựng 4038#BLACK | m | | |
| | 1522- D4038W | Vải dựng 4038#WHITE | m | | |
| | 1522- L210TB | Vải lót 210T#Black | m | | |
| | | | | | |

Ý kiến thứ hai: Phế liệu thu hồi

Tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát do đặc thù của công ty nên lượng phế liệu thu hồi cũng khá đa dạng. Đối với việc phế liệu thu hồi không được nhập kho và theo dõi trên bất cứ sổ sách nào, chính vì vậy công ty cần phải nhập kho phế liệu thu hồi, đảm bảo yêu cầu về chất lượng khi sử dụng vào sản xuất, tránh tình trạng hư hỏng, mất mát xảy ra. Khi thực hiện nhập kho phế liệu đảm bảo phải có thu kho, kế toán vật liệu, bộ phận cung tiêu xác định

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cụ thể về mặt số lượng, mẫu mã, quy cách, ước tính giá sau đó bộ phận cung tiêu viết giấy nhập kho. Thực hiện tốt các công tác này cũng sẽ góp phần thực hiện quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ, bảo quản an toàn...góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cho công ty. Phần phế liệu thu hồi để trong kho theo em công ty nên:

- Tận thu vải bán cho các doanh nghiệp sản xuất khác
- Bán cho các doanh nghiệp sản xuất chổi lau nhà, đồ dùng trong bếp như khăn lau tay, bộ gác nôi...

Có thể giúp cho công ty có thêm nguồn doanh thu từ phế liệu hoặc tránh thất thoát nguồn phế liệu ra ngoài.

Ý kiến thứ ba: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc cung cấp thông tin đòi hỏi sự chính xác cao, nhanh chóng, kịp thời. Việc tính toán thủ công làm cho công tác kế toán còn chậm, không cung cấp được các thông tin chi tiết phục vụ cho hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngày nay, rất nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã tạo ra nhiều phần mềm kế toán hay góp phần giúp đỡ công tác kế toán tại các doanh nghiệp. Khi ứng dụng các phần mềm kế toán này, việc xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin kinh tế tài chính nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Tiết kiệm sức lao động, mang lại hiệu quả cao. Việc sử dụng phần mềm kế toán rất phù hợp với bộ máy kế toán nhỏ gọn như công ty TNHH sản xuất và thương mại Ánh Sáng, giúp giảm bớt gánh nặng trong công việc cho kế toán viên mà lại hiệu quả cao. Đồng thời lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi, an toàn. Các phần mềm này có giá cả phải chăng, phù hợp với nhiều mô hình doanh nghiệp, dễ học, dễ sử dụng. Một số phần mềm của các nhà cung ứng chuyên nghiệp và có uy tín như:

- Phần mềm SAS INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam
- Phần mềm kế toán MISA của công ty Cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty Cổ phần ACMAN
- Phần mềm BRAVO của công ty Cổ phần BRAVO

Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA do có những ưu điểm sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhập dữ liệu linh hoạt(nhiều hóa đơn cùng 01 phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Tính chính xác: Số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL,NET...hầu như giữ nguyên bảo quyền.

Ý kiến thứ tư: Việc đánh giá xuất kho NVL

Hiện tại công ty đang áp dụng phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ , phương pháp này tuy đơn giản nhưng mức chính xác không cao công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và tính kịp thời của thông tin kế toán mặt khác trong thời điểm kinh tế khó khăn giá cả mặt hàng bấp bênh, tốc độ lạm phát cao nên để giảm được rủi ro theo tôi công ty nên lựa chọn phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Đơn giá NVL xuất dùng cũng được tính lại sau mỗi lần nhập kho. Phương pháp này đáp ứng được nhu cầu kịp thời của thông tin kế toán nhưng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức tính toán. Nhưng nếu công ty áp dụng phần mềm kế toán thì việc tính toán khó, mất nhiều thời gian, công sức không còn là vấn đề nữa. Theo phương pháp này, mỗi lần nhập kho, đơn giá vật liệu tính cho từng danh điểm như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho sau mỗi} \\ \text{lần nhập} \end{array} = \frac{\text{Giá trị VT tồn kho} + \text{Giá trị thực tế VT nhập}}{\text{Số lượng VT trong kho} + \text{Số lượng VT nhập}}$$

Ý kiến thứ năm: Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên phòng kế toán.

Nhân sự vẫn luôn là nền móng cho một công ty vững bền do vậy phải quan tâm đến các vấn đề này cẩn thận :

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới .

Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học , rõ ràng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.

Có chính sách khen thưởng và đãi ngộ cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc và những nhân viên gắn bó lâu năm với công ty. Ngoài ra còn có những chế độ phạt rõ ràng nghiêm khắc đối với những nhân viên không tốt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Công việc này không hề dễ dàng, là sự kết hợp của nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán phân xưởng, thủ kho... Kế toán NVL có tác dụng to lớn trong quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Việc hoàn thiện công tác kế toán là sự cần thiết đối với doanh nghiệp, tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả và giúp doanh nghiệp quản lý tốt hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

Trong thời gian thực tập ở **Công ty TNHH may xuất khẩu Minh Long Phát** em đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm của việc hạch toán kế toán từ các cô, bác, anh chị từ những thế hệ đi trước thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cần thiết cho công việc sau này của mình.

Tuy nhiên trong thời gian thực tập và trình độ có hạn nên những vấn đề đưa ra không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong rằng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của cô giáo và các cô chú trong ban lãnh đạo của công ty cho bài khóa luận của em được hoàn thành về mặt lý luận và có tính thực tiễn cao.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sỹ **VĂN HỒNG NGỌC** đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình để hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2015

Sinh viên

VŨ THỊ QUÝ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Ths.Nguyễn Văn Lợi

2.Giáo trình kế toán doanh nghiệp sản xuất.

Bộ tài chính

3. Kế toán tài chính

Thạc sĩ: Nguyễn Thị Loan- Giảng viên trường đại học kinh tế quốc dân.

TS.Võ Thị Nhị - Giảng viên trường Đại Học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Anh Khoa- Giảng viên trường Đại học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh

Thạc Sĩ: Trần Thị Duyên- Giảng Viên trường trung học - tài chính- kế toán.

4. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

TS: Võ Văn Nhị

Thạc sĩ: Trần Văn Việt

5. Phân tích hoạt động kinh doanh- trường đại học bách khoa Hà Nội.

Và một số tài liệu khác